NASCO

CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI
DN: c=VN, st=HÀ NỘI, l=Sóc Sơn, cn=CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI, 0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0100108254
Date: 2020.03.26 17:56:40 +07'00'

2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI

Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội
Điện thoại: 024. 3884 0085 Fax: 024. 3886 5555
Website: www.nasco.com.vn

MỤC LỤC

Thông điệp của Ban Tổng giám đốc 04
Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi 05

A THÔNG TIN CHUNG 07

1. Thông tin chung 08
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 10
3. Mô hình quản trị 11
4. Giới thiệu Ban lãnh đạo 16
5. Vị thế 18
6. Định hướng phát triển 19
7. Rủi ro 21

B TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 23

1. Tình hình hoạt động SXKD 24
2. Tổ chức và nhân sự 27
3. Tình hình đầu tư và thực hiện dự án 29
4. Tình hình tài chính 30
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư CSH 31

C BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC 33

1. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh 34
2. Tình hình tài chính 35
3. Cải tiến trong cơ cấu lao động, chính sách, quản lý 36
4. Phương hướng phát triển 37

D BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 39

1. Đánh giá về mọi mặt hoạt động của công ty 40
2. Đánh giá về hoạt động của BGĐ 40
3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT 41

E QUẢN TRỊ CÔNG TY 43

1. Hội đồng quản trị 44
2. Ban kiểm soát 45
3. Giao dịch và thù lao 46
4. Tăng cường quản trị công ty 47

F PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 49

1. Những tác động liên quan đến môi trường 50
2. Những tác động liên quan đến cộng đồng 51

G BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2019 52

THÔNG ĐIỆP
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính thưa Quý cổ đông, Khách hàng, Đối tác và toàn thể cán bộ công nhân viên,

Năm 2019 đã chứng kiến sự suy yếu của tăng trưởng kinh tế thể hiện rõ qua sự sụt giảm của hoạt động sản xuất và thương mại toàn cầu. Thuế quan gia tăng và tình trạng bấp bênh kéo dài do chính sách thương mại gây ra đã làm suy yếu hoạt động đầu tư và nhu cầu hàng hóa lâu dài. Tuy nhiên, GDP toàn cầu trong nửa đầu năm 2019 vẫn tăng, do xu hướng bất ngờ tăng giá ở một số nền kinh tế tiên tiến và hoạt động mạnh mẽ trong khu vực ASEAN.

Nền kinh tế Việt Nam năm 2019 tiếp tục chuyển biến tích cực, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp. Năm 2019 là năm thứ hai liên tiếp Việt Nam đạt và vượt toàn bộ các chỉ tiêu chủ yếu mà Quốc hội giao, tạo cơ sở vững chắc, tạo đà và động lực mới, khí thế mới cho việc hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra cho năm 2020 và giai đoạn 5 năm 2016-2020. Tốc độ tăng trưởng GDP 7,02% đã vượt mục tiêu tăng trưởng năm 2019. Động lực chính của tăng trưởng kinh tế năm nay tiếp tục là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và các ngành dịch vụ thị trường.

Hoạt động vận tải trong 10 tháng năm 2019 tiếp tục duy trì mức tăng khá so với cùng kỳ năm trước, đặc biệt là ngành đường bộ và đường hàng không, do được chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng, đảm bảo kết nối thuận tiện giữa các địa phương và các hãng kinh doanh không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng dịch vụ, giá cả linh hoạt. Tổng cục Thống kê cho biết, tính chung 10 tháng năm 2019, vận tải hành khách đạt 4.230,5 triệu lượt khách, tăng 10,6%, vận tải hàng hóa đạt 1.387,7 triệu tấn, tăng 9,3% so với cùng kỳ năm trước. Vận tải bằng đường hàng không đạt 365,1 nghìn tấn, tăng 10,5%. Tổng sản lượng vận chuyển hành khách 5 tháng đầu năm 2019 qua Cảng Hàng không quốc tế Nội Bài tăng 13%.

Với những khó khăn, thuận lợi của kinh tế Việt Nam nói chung và ngành vận tải, dịch vụ hàng không nói riêng trong năm 2019, Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài đã gần hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch về lợi nhuận năm 2019 do Đại hội cổ đông giao, đạt 94,24% kế hoạch năm, tổng doanh thu Công ty mẹ đạt 447,08 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 27,29 tỷ đồng, nộp Ngân sách nhà nước 4,82 tỷ đồng. Môi trường làm việc, đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động được cải thiện. Ngoài ra, công ty vẫn thường xuyên thực hiện trách nhiệm với địa phương bằng nhiều việc làm ý nghĩa như: chúc tết, thăm hỏi các hộ gia đình khó khăn; gia đình thương binh, liệt sĩ, ...

Tiếp nối năm 2019, năm 2020, kinh tế Việt Nam dự kiến sẽ đối mặt với nhiều cơ hội và thách thức mới:
- Kinh tế vĩ mô trong nước dự báo tiếp tục tăng trưởng ổn định với tốc độ tăng trưởng khoảng 6,48% so với năm 2019.
- Lạm phát được dự báo ở quanh mức 4% theo mục tiêu của Chính phủ.
- Thị trường vận tải Hàng không trong nước năm 2020 do ảnh hưởng của dịch COVID-19 có sự ảnh hưởng tiêu cực nhất định.

Với những nhận định đó, công ty đặt ra kế hoạch dự kiến: Tổng doanh thu Công ty mẹ năm 2020: 315,230 tỷ đồng, tổng mức đầu tư trong năm 115,381 tỷ đồng.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài cam kết tiếp tục phát huy lợi thế, năng lực hiện có, tận dụng mọi thời cơ cùng với sự nỗ lực quyết tâm vươn lên vượt qua mọi thách thức, cùng chung tay xây dựng Công ty ngày càng phát triển mạnh mẽ, đồng thời đảm bảo quyền lợi cho Quý cổ đông, khách hàng, chăm sóc tốt đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, công nhân viên, người lao động và cam kết sử dụng hiệu quả tài nguyên, môi trường gắn với phát triển bền vững.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin gửi lời tri ân đến Quý cổ đông, Khách hàng và Đối tác đã luôn đồng hành cùng Công ty. Xin gửi lời cảm ơn chân thành tới toàn thể người lao động vì nỗ lực hết mình cho thành quả của Công ty trong thời gian qua.

Trân trọng cảm ơn!

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN VIỆT PHƯƠNG

TẦM NHÌN

Xây dựng và phát triển Công ty trở thành doanh nghiệp cung cấp chất lượng dịch vụ sân bay hàng đầu cho các Hãng hàng không nội địa, quốc tế và khách hàng tại Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài.

SỨ MỆNH

Không ngừng đầu tư phát triển và sử dụng hợp lý các nguồn lực, đặc biệt là nguồn nhân lực; nguồn lực công nghệ. Thường xuyên cải tiến và phát huy hiệu lực, hiệu quả của Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015. Đảm bảo thỏa mãn đầy đủ những yêu cầu và mong đợi của khách hàng và các bên quan tâm, tăng cường hợp tác với các đối tác kinh doanh trong Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tận tâm - Chuyên nghiệp
NASCO luôn đặt lợi ích và mong muốn của khách hàng lên hàng đầu. Khách hàng chính là trung tâm, là động lực để công ty phát triển các sản phẩm - dịch vụ hoàn hảo nhất.

Sáng tạo - Đa dạng
Công ty luôn tìm tòi, nghiên cứu để tìm hiểu nhu cầu thị trường mới, thích nghi và nâng cao tính cạnh tranh để tiếp tục gia tăng thị phần và nâng cao vị thế.

Chất lượng
Các loại hàng hóa trong NASCO DUTY FREE SHOP đều được kiểm soát và giám sát chặt chẽ về chất lượng và nguồn gốc xuất xứ, phù hợp với các quy định Pháp luật Việt Nam cũng như thông lệ quốc tế. Các loại hàng tiêu dùng có chất lượng cao sản xuất tại Việt Nam và thế giới.

Hợp tác - Chia sẻ
NASCO luôn lắng nghe, sẵn sàng hợp tác, chia sẻ và tích cực hành động vì lợi ích của khách hàng, của đối tác và của người lao động. Đây là giá trị phong cách làm việc của NASCO.

A THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

1. Thông tin chung

1.1 Thông tin khái quát

Tên công ty:	Công ty cổ phần Dịch vụ hàng không Sân bay Nội Bài
Mã cổ phiếu:	NAS (Sàn giao dịch chứng khoán UPCOM)
Giấy phép ĐKKD:	Số 0100108254 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/04/2006 và thay đổi lần thứ 11 ngày 14/09/2018
Vốn điều lệ:	83.157.640.000 đồng
Vốn đầu tư của CSH:	83.157.640.000 đồng
Điện thoại:	024. 3884 0085
Fax:	024. 3886 5555
Website:	www.nasco.com.vn
Địa chỉ:	Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

1.2 Quá trình hình thành và phát triển

1993 | Thành lập doanh nghiệp

Tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước mang tên Công ty Dịch vụ Cụm cảng Hàng không sân bay miền Bắc (tên giao dịch tiếng Anh là NORTHERN AIRPORT SERVICES COMPANY, viết tắt là NASCO).

1995 | Hạch toán độc lập Tổng Công ty Hàng không Việt Nam

Công ty được đổi tên thành Công ty Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài (NOIBAI AIRPORT SERVICES COMPANY (NASCO).

2005 | Cổ phần hóa

Theo quyết định số 3978/QĐ-BGTVT ngày 21/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải, NASCO được cổ phần hóa và chuyển thành Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài (Tên giao dịch tiếng Anh là NOIBAI AIRPORT SERVICES JOINT STOCK COMPANY, viết tắt là NASCO).

2007 | Trở thành công ty đại chúng

Vốn điều lệ của Công ty tăng lên 49.500.000.000 đồng thông qua phát hành chia cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

2009 | Tăng vốn điều lệ

Tháng 07, Công ty tăng vốn điều lệ lên 69.298.640.000 đồng thông qua phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
Tháng 08, NASCO được Chủ tịch nước Cộng hòa XHCN Việt Nam kí quyết định trao tặng Huân chương lao động hạng nhì.

2010 | Tăng vốn điều lệ

Tăng vốn điều lệ lên 83.157.640.000 đồng thông qua phát hành chia cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

2017 | Đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM

8.315.764 cổ phiếu Công ty cổ phần Dịch vụ hàng không sân bay Nội Bài chính thức giao dịch trên thị trường UPCOM với giá tham chiếu 28.000 đồng/ cổ phiếu.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

2.1. Ngành nghề kinh doanh chính:

* Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không
* Vận chuyển hàng hóa, hành khách trong sân đỗ máy bay
* Dịch vụ vận tải mặt đất; Dịch vụ vận chuyển hàng hóa
* Kinh doanh dịch vụ phục vụ khách đi máy bay của các hãng hàng không trong nước và quốc tế
* Dịch vụ làm thủ tục hàng không tại thành phố
* Kinh doanh hàng miễn thuế phục vụ khách xuất, nhập, quá cảnh
* Dịch vụ lắp đặt trang thiết bị phục vụ mặt đất ngành hàng không
* Khai thác dịch vụ kỹ thuật thương mại hàng không

"NASCO đang là doanh nghiệp duy nhất tại sân bay Nội Bài kinh doanh dịch vụ phòng khách hạng thương gia có thiết kế và nội thất đạt tiêu chuẩn từ 4 sao trở lên"

2.2. Địa bàn kinh doanh:

Hiện tại Nasco hoạt động chủ yếu tại Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài với các sản phẩm dịch vụ như:

* Dịch vụ thương mại, tổng hợp: Kinh doanh hàng bách hóa, mỹ nghệ, dịch vụ nhà hàng ăn uống, giải khát, ... phục vụ khách đi máy bay qua Cảng hàng không.

* Dịch vụ vận tải ô tô: Vận chuyển hành khách bằng xe ô tô trong sân đỗ máy bay, phục vụ người lao động của các đơn vị làm việc tại Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài và hành khách có nhu cầu khác.

3. Mô hình quản trị

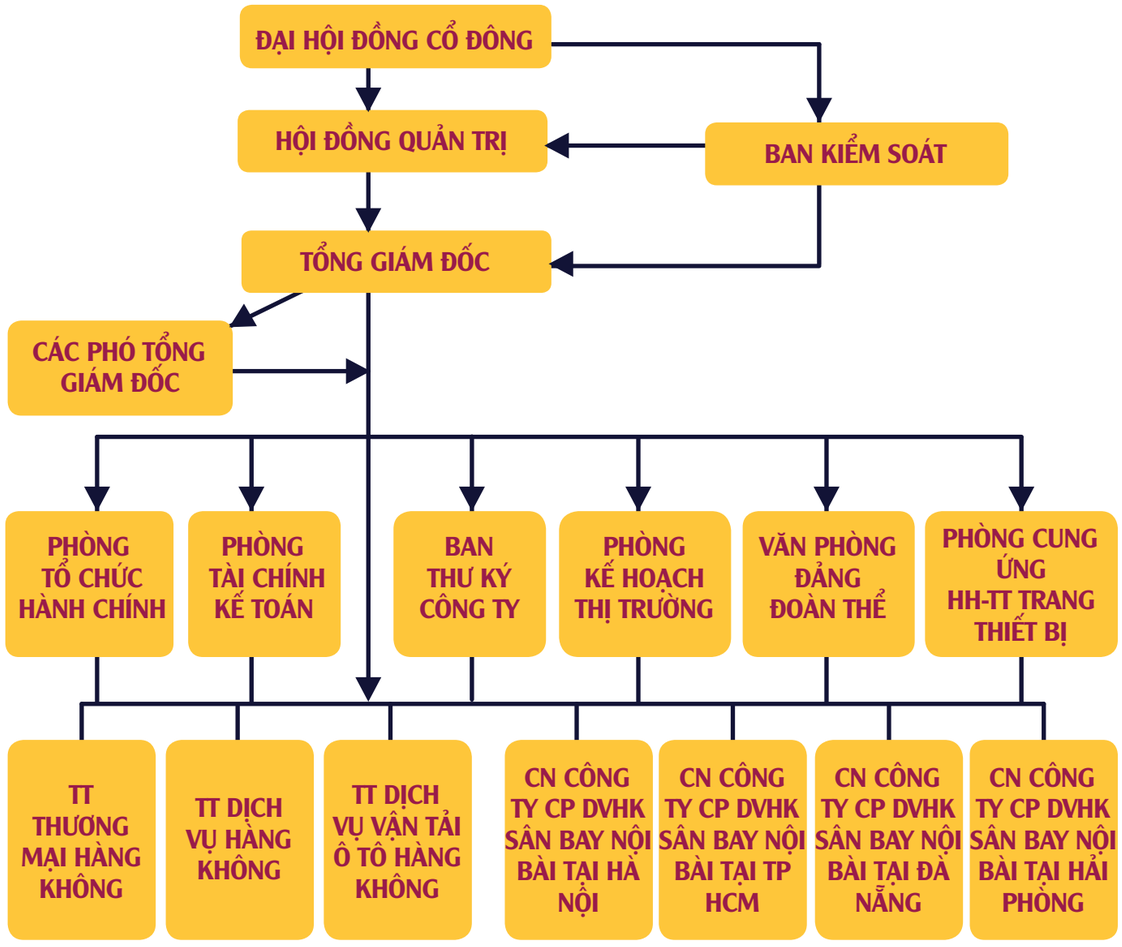

3.1 Mô hình quản trị

* **Đại hội đồng cổ đông:**
Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

* **Hội đồng quản trị:**
Là cơ quan quản lý trực tiếp tại Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật; có quyền nhân danh Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ những vấn đề của Đại hội đồng cổ đông.

* **Ban Kiểm soát:**
Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Công ty; thông báo kết quả kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho Đại hội đồng cổ đông và thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.

* **Ban Tổng Giám đốc:**
Thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua và thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.

3. Mô hình quản trị

3.2 Các bộ phận chức năng

Phòng tổ chức hành chính: Là cơ quan tham mưu giúp việc cho Tổng Giám đốc về lĩnh vực tổ chức và phát triển nguồn nhân lực; quản trị hành chính doanh nghiệp.

Chức năng tổ chức:

* Đề xuất, xây dựng và triển khai thực hiện các đề án cơ cấu tổ chức bộ máy về kiện toàn, thành lập, chia tách, sáp nhập, giải thể các đơn vị và bộ phận trực thuộc Công ty; xác định quy mô, cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ, định biên lao động cho các đơn vị, bộ phận và các chức danh lãnh đạo quản lý có liên quan.

* Xây dựng, quản lý và phát triển nguồn nhân lực bao gồm việc xác định nhu cầu, tuyển dụng, bố trí sắp xếp nguồn nhân lực; công tác quy hoạch, điều động, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cán bộ quản lý và người lao động.

* Xây dựng, quản lý và thực hiện công tác đào tạo, đào tạo mới, đào tạo lại, đào tạo bổ sung và nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề, đào tạo nội bộ và đánh giá chất lượng đào tạo và việc sử dụng nguồn nhân lực sau đào tạo.

* Đề xuất, xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch, phương án xác định quỹ tiền lương và tiền thưởng hàng năm của Công ty, giao đơn giá và thanh toán quỹ tiền lương các đơn vị trực thuộc, thực hiện chi trả các khoản chế độ tiền lương, tiền công, phụ cấp và giải quyết các chính sách hợp pháp khác cho người lao động về nâng bậc lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm Y tế, bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hộ và vệ sinh an toàn lao động.

* Xây dựng điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, xây dựng và thực hiện các nội quy, quy chế quản lý lao động, tiền lương, thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động, phân cấp tổ chức và quản lý cán bộ, người lao động; hệ thống thang bảng lương, quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng; quy chế nâng ngạch, nâng bậc lương; hệ thống chức danh tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ; quy chế tuyển dụng, đào tạo và các quy chế hoạt động chuyên ngành.

* Thực hiện giao kết và quản lý hợp đồng lao động, giải quyết chế độ thôi việc và chấm dứt hợp đồng lao động.

* Thẩm định và quản lý hồ sơ nhân lực; thực hiện công tác bảo vệ chính trị nội bộ; quản lý số lượng và chất lượng đội ngũ người lao động, đánh giá người lao động hàng năm để làm cơ sở quy hoạch sắp xếp, sử dụng hợp lý nguồn nhân lực. Hướng dẫn nghiệp vụ, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chế độ chính sách của người lao động ở các đơn vị trực thuộc Công ty.

Chức năng hành chính, văn phòng:

* Thực hiện công tác đối nội và đối ngoại, công tác hành chính quản trị văn phòng, thông tin nội bộ.

* Xây dựng, đầu tư, phát triển và quản lý hệ thống công nghệ thông tin, website của Công ty.

* Chủ trì xây dựng và quản trị hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2008.

* Quản lý, sắp xếp bố trí phương tiện phục vụ kế hoạch làm việc của Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị, các đơn vị, các phòng chức năng Công ty.

* Phối hợp với Trung tâm Dịch vụ Vận tải ô tô Hàng không tổ chức xe đưa đón người lao động đi làm việc hàng ngày.

Phòng Tài chính Kế toán: Là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong lĩnh vực tài chính và kế toán.

Chức năng và nhiệm vụ:

* Chủ trì xây dựng và tổ chức bộ máy quản lý tài chính kế toán Công ty.

* Tổ chức hoạt động quản lý tài chính - kế toán - thống kê trong Công ty phù hợp với Pháp luật của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

* Lập, quản lý, hướng dẫn và theo dõi kế hoạch thu chi hoạt động tài chính, phân tích hoạt động thu chi tài chính, đánh giá kết quả công tác hoạt động thu chi tài chính năm của các đơn vị trực thuộc và Công ty.

* Tổ chức và thực hiện công tác hạch toán kế toán - thống kê cho các trung tâm và toàn Công ty.

* Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát hoạt động hạch toán kế toán, báo cáo kế toán, lưu trữ hồ sơ, chứng từ tại các đơn vị và trong toàn Công ty.

* Thanh quyết toán, kiện toàn hoạt động tài chính kế toán cho các đơn vị trực thuộc Công ty, tổng hợp báo cáo tài chính toàn Công ty, quản lý vốn, nguồn vốn, tài sản, các quỹ tập trung của toàn Công ty.

* Chủ trì công tác lập phương án tạo nguồn vốn, sử dụng vốn, điều hòa vốn, giao nhận vốn, bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.

* Thu thập, phân loại, xử lý các thông tin về tài chính, đề xuất các biện pháp điều chỉnh nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh để tham mưu cho Tổng Giám đốc.

* Tổ chức công tác phân tích hoạt động quản trị doanh nghiệp, phân tích hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, các dự án, các hoạt động đầu tư tài chính để tham mưu cho Tổng Giám đốc trong điều hành sản xuất kinh doanh và đầu tư tài chính có hiệu quả.

* Tham gia xây dựng, thẩm định, triển khai các dự án đầu tư, thực hiện việc quyết toán vốn đầu tư theo đúng quy định của Nhà nước.

* Tham gia đàm phán, thẩm định triển khai các hợp đồng kinh tế thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc quyết định; tổ chức thanh quyết toán các hợp đồng kinh tế theo đúng quy định của Nhà nước.

* Tham gia xây dựng và quản lý, kiểm tra, giám sát các định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí, chi phí vật tư, nguyên nhiên vật liệu, chế biến, mức giá dịch vụ sản phẩm (đầu vào, ra), đơn giá tiền lương của Công ty.

* Thực hiện các chế độ, chính sách tài chính kế toán, báo cáo thống kê trong Công ty theo quy định của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

* Nghiên cứu việc phát hành cổ phiếu, chào bán cổ phần, thị trường chứng khoán để tham mưu cho Tổng Giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị.

Ban Thư ký Công ty: Là cơ quan giúp việc trực tiếp của Hội đồng quản trị.

Chức năng và nhiệm vụ:

* Soạn thảo các văn bản, tờ trình liên quan đến nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc để báo cáo các cơ quan cấp trên.

* Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.

* Ghi chép và làm các biên bản các cuộc họp, tư vấn về thủ tục các cuộc họp.

* Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

* Là đầu mối liên lạc giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát, Ban quản lý điều hành Công ty và các cổ đông.

* Thực hiện bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty. Quản lý, theo dõi cổ đông, số cổ phiếu nắm giữ của các tổ chức, cá nhân và giấy chứng nhận cổ đông do Công ty phát hành.

* Hướng dẫn làm hồ sơ, thủ tục chuyển nhượng khi các cổ đông có nhu cầu chuyển nhượng cổ phần và thực hiện các nội dung có liên quan theo Quy chế chuyển nhượng cổ phần của Công ty.

* Thực hiện các nhiệm vụ khác

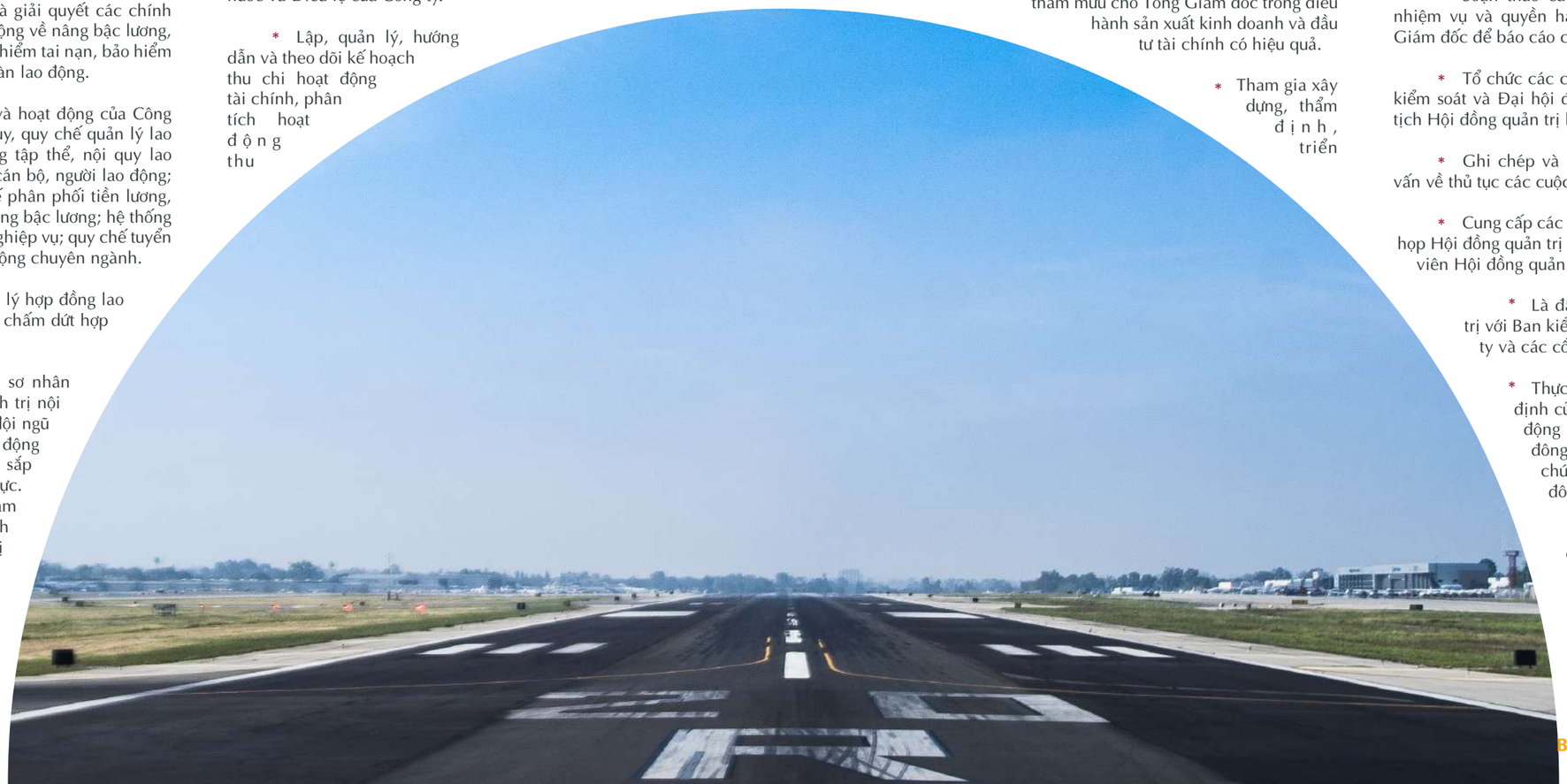

3. Mô hình quản trị

theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty.

Phòng Kế hoạch Thị trường: Là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc về lĩnh vực thị trường và kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Chức năng và nhiệm vụ:

* Xây dựng và triển khai thực hiện công tác marketing, phát triển thị trường trong toàn Công ty. Xây dựng và triển khai thực hiện các mục tiêu, chiến lược, kế hoạch dài hạn, ngắn hạn và hàng năm của các đơn vị trực thuộc và Công ty về các lĩnh vực kinh doanh, đầu tư.

* Chủ trì thực hiện việc thẩm định kế hoạch dài hạn, ngắn hạn và hàng năm của các đơn vị trong Công ty. Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, giá sản phẩm - dịch vụ đầu vào, đầu ra của các đơn vị trong Công ty. Nghiên cứu, đề xuất và soạn thảo các văn bản, chỉ thị của Tổng Giám đốc về quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh.

* Thẩm định, ban hành, triển khai và thực hiện các kế hoạch, phương án, biện pháp tác nghiệp có liên quan trong quản lý, điều hành kinh doanh theo ủy quyền của Tổng Giám đốc. Tổ chức công tác truyền thông, quảng bá thương hiệu.

* Tham mưu xây dựng và kiểm tra giám sát việc thực hiện mục tiêu chất lượng, chính sách chất lượng của Công ty. Quản lý, kiểm tra, giám sát và đánh giá việc đảm bảo chất lượng các dịch vụ của Công ty.

* Theo dõi, tổng hợp, phân tích tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của các đơn vị để kịp thời tham mưu cho Tổng Giám đốc trong quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh.

* Thực hiện các thủ tục bổ sung, thay đổi và đăng ký ngành nghề kinh doanh, sở hữu trí tuệ, công nghiệp. Hướng dẫn các đơn vị trực thuộc Công ty nghiệp vụ về lĩnh vực xuất - nhập khẩu, ngành nghề kinh doanh, biện pháp quản lý, phát triển khối tài sản vô hình, các vấn đề pháp lý về doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh.

* Soạn thảo, thẩm định, quản lý và theo dõi việc thực hiện các hợp đồng kinh tế của Công ty. Hướng dẫn, kiểm tra và giám sát việc thực hiện kế hoạch, định mức kinh tế-kỹ thuật, định mức chi phí, vật tư, nguyên nhiên vật liệu, chế biến; các hoạt động đầu tư, quản lý và sử dụng đất đai, mặt bằng, môi trường, tài sản vô hình, hợp đồng kinh tế, tiếp thị và quảng cáo của các đơn vị trong Công ty.

* Thực hiện nhiệm vụ quản lý vốn góp của NASCO đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.

Phòng cung ứng HH-ĐT trang thiết bị: Là đơn vị phụ trợ, giúp Tổng Giám đốc đảm bảo việc cung ứng hàng hóa cho các đơn vị kinh doanh, thực hiện các dự án đầu tư theo phân cấp.

Chức năng và nhiệm vụ:

Về cung ứng hàng hóa:

* Triển khai các hợp đồng cung ứng hàng hoá, dịch vụ, vật tư, nguyên nhiên vật liệu. Thực hiện việc khai thác, cung ứng các nguồn hàng, sản phẩm dịch vụ, hàng hóa, thực phẩm, vật tư, nguyên nhiên vật liệu đảm bảo các hoạt động kinh doanh của Công ty theo hợp đồng kinh tế đã được Tổng Giám đốc ký kết.

* Thực hiện thủ tục xuất, nhập khẩu; cung ứng hàng hóa và thanh khoản tờ khai hàng hóa xuất nhập khẩu cho các Trung tâm. Quản lý, bảo quản kho tàng, hàng hóa, thực phẩm, vật tư, nguyên nhiên vật liệu.

* Đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, môi trường. Thực hiện công việc dán tem, mã vạch, đóng gói sản phẩm, hàng hóa, vật tư cung cấp hàng hóa đến tận địa điểm kinh doanh của các bộ phận thuộc các Trung tâm.

* Đảm bảo công tác môi trường và phòng chống cháy nổ bão lụt trong khu vực kho tàng được giao quản lý. Thực hiện chế độ báo cáo thống kê hàng hóa, vật tư, tài sản, công cụ dụng cụ, nguyên nhiên vật liệu... xuất, nhập, tồn kho theo quy định.

Về đầu tư - trang thiết bị:

* Thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản và trang thiết bị kỹ thuật, quản lý đất đai, mặt bằng, đảm bảo cơ sở vật chất kỹ thuật và hạ tầng cho Công ty.

* Thực hiện việc khai thác cung ứng vật tư, nguyên nhiên vật liệu, trang thiết bị công cụ lao động... đảm bảo phục vụ sản xuất kinh doanh.

* Quản lý, kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế và làm sạch cơ sở vật chất, trang thiết bị nội thất, tài sản, công cụ, dụng cụ lao động, vận hành sửa chữa hệ thống điện, điện tử, điện lạnh, hệ thống nước phục vụ cho toàn bộ các hoạt động của Công ty (trừ các chi nhánh Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh).

* Đảm bảo công tác môi trường và phòng chống cháy nổ bão lụt trong khu vực làm việc được giao quản lý.

Văn phòng Đảng, Đoàn thể: Là cơ quan tham mưu giúp việc cho Ban chấp hành Đảng bộ Công ty, Tổng Giám đốc, Ban chấp hành công đoàn và Đoàn thanh niên Công ty.

Nhiệm vụ:

Công tác Đảng:

* Lập kế hoạch hoạt động công tác Đảng tháng, quý, năm trong toàn Đảng bộ.

* Chuẩn bị dự thảo Nghị quyết lãnh đạo thường kỳ và chuyên đề.

* Xem xét, nghiên cứu, đề xuất thành lập tổ chức Đảng trực thuộc Đảng ủy bộ phận và Đảng ủy công ty phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ lãnh đạo của các đơn vị, bộ phận.

* Thực hiện chức năng tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho đội ngũ đảng viên trong Đảng bộ.

* Bồi dưỡng lý luận cho đảng viên mới và đội ngũ quần chúng phục vụ cho công tác phát triển đảng viên.

* Thực hiện công tác phát triển Đảng.

* Quản lý hồ sơ, khen thưởng, kỷ luật đảng viên.

* Theo dõi và thực hiện việc thu, nộp đảng phí của các tổ chức đảng trong Đảng bộ.
Triển khai và thực hiện công tác kiểm tra của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy Công ty.

* Tham mưu cho Đảng uỷ Công ty trong việc đề nghị xét tặng huy hiệu 30, 40 năm tuổi đảng theo quy định.

* Phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai thực hiện nội dung công việc về công tác tổ chức, cán bộ trong Đảng bộ Công ty.

* Theo dõi và quản lý các nội dung liên quan đến công tác bảo vệ chính trị nội bộ trong Đảng bộ Công ty.

* Quản lý công tác văn thư, lưu trữ bảo mật; Kiểm soát hồ sơ, tài liệu và ISO.

* Sắp xếp, bố trí kế hoạch làm việc công tác, hội họp, giao ban, tiếp khách cho Ban Giám đốc.

* Tổng hợp báo cáo giao ban, hội họp; Soạn thảo văn bản, quy chế, chỉ thị, thông báo của Ban Giám đốc theo lĩnh vực được phân công. Phối hợp với Ban Thư ký Công ty ghi chép biên bản, Nghị quyết, kết luận của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị.

* Thực hiện công tác quản lý thanh quyết toán chi phí Văn phòng.

* Thực hiện công tác vệ sinh, tạp vụ Trụ sở Công ty. Công tác đoàn thanh niên.

* Tuyên truyền giáo dục chính trị tư tưởng, truyền thống cách mạng của dân tộc cho đoàn viên thanh niên.

* Tổ chức các phong trào, hoạt động thiết thực cho đoàn viên thanh niên gắn với nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

* Tham gia các hoạt động xã hội từ thiện, đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc thiếu niên nhi đồng là con của người lao động trong Công ty.

* Tham mưu, trong các hoạt động thi đua, tuyên truyền, văn hóa, thể thao của Công ty.

Công tác an ninh an toàn phòng chống cháy nổ lụt, bão:

* Quản lý và đảm bảo công tác môi trường, phòng chống cháy nổ, lũ lụt và thiên tai địch họa cho toàn Công ty.

* Đảm bảo công tác quốc phòng an ninh, bảo vệ an ninh an toàn tại Trụ sở Công ty và các địa điểm làm việc, kho bãi của các đơn vị trong Công ty tại Sân bay quốc tế Nội Bài.

* Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc giao.

3. Mô hình quản trị

	Công ty con	Công ty liên kết
Tên công ty	Công ty cổ phần Giao nhận Hàng hóa NASCO	Công ty Cổ phần đầu tư dịch vụ hàng không Việt Nam
Trụ sở chính	Tòa nhà trụ sở NASCO sân bay Quốc tế Nội bài xã Phú Minh Huyện Sóc Sơn-Thành phố Hà Nội	Sân bay Quốc tế Nội Bài, Phú Minh, Sóc Sơn, Hà Nội
Tỷ lệ lợi ích	49,12%	16%
Tỷ lệ biểu quyết	51%	36%
Tỷ lệ vốn góp thực tế	49,12%	16%
Hoạt động kinh doanh chính	Vận chuyển hàng hóa hàng không, dịch vụ kho bãi,...	Vận chuyển hành khách bằng xe ô tô 05 chỗ, 16 chỗ

4. Giới thiệu BLĐ

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Lê Đức Cảnh	CT HĐQT		
	Ông Vũ Đình Thuỷ	TV HĐQT		
2	Bà Phan Diễm Anh	TV HĐQT		
3	Bà Hà Thị Thu Nga	TV HĐQT		
4	Ông Trần Việt Phương	TV HĐQT		
5	Ông Nguyễn Văn Thắng	TV HĐQT		
	Bà Nguyễn Thị Thiên Kim	Trưởng BKS		
1	Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng BKS		
	Bà Nguyễn Kim Oanh	TV BKS		
	Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	TV BKS		
2	Ông Nguyễn Trường Thi	TV BKS	12	0,0000014%
3	Bà Nghiêm Thị Thúy Tươi	TV BKS	1848	0,02%

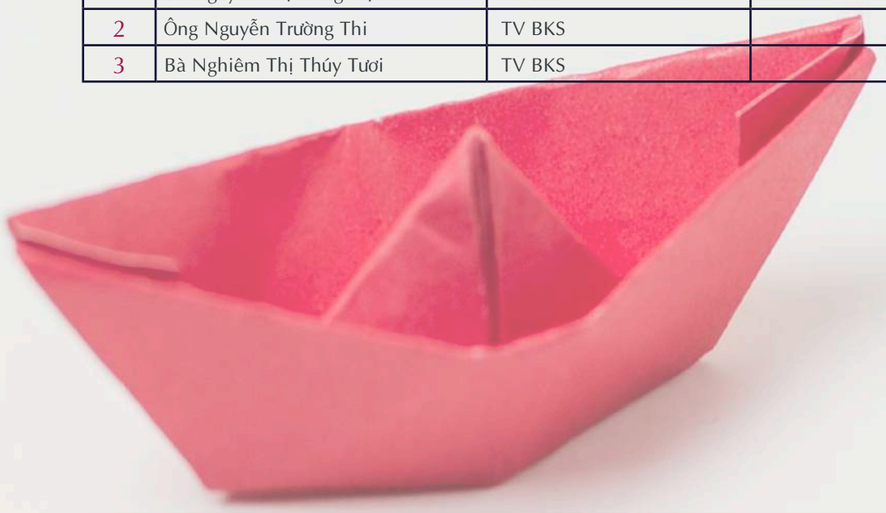

4.1 Hội đồng quản trị

Ông Lê Đức Cảnh
Năm sinh: 05/06/1972
Chức vụ tại công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bà Phan Diễm Anh
Năm sinh: 02/11/1970
Chức vụ tại công ty: Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Trần Việt Phương
Chức vụ tại công ty: Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Văn Thắng
Chức vụ tại công ty: Thành viên Hội đồng quản trị

Bà Hà Thị Thu Nga
Năm sinh: 30/03/1980
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:
* Từ 03/2002 - 10/2002: Chuyên viên Ban Dịch vụ thị trường - Tổng Công ty Hàng không Việt Nam.
* Từ 11/2010 - 5/2011: Tổ trưởng Tổ miền trung và Châu Âu - Phòng dịch vụ mặt đất-Ban dịch vụ thị trường - Tổng Công ty Hàng không Việt Nam.
* Từ 6/2011 - 12/2013: Phó phòng dịch vụ mặt đất Ban dịch vụ thị trường - Tổng Công ty Hàng không Việt Nam.
* Từ 01/2014 - 7/2015: Trưởng phòng dịch vụ mặt đất Ban dịch vụ thị trường-Tổng Công ty Hàng không Việt Nam.
* Từ 8/2015 đến nay: Trưởng phòng dịch vụ mặt đất Ban dịch vụ thị trường - Tổng Công ty Hàng không Việt Nam.

Chức vụ tại công ty: Thành viên Hội đồng quản trị

4.2 Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Tiến Dũng
Năm sinh: 29/6/1968
Chức vụ tại công ty: Trưởng Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Trường Thi
Chức vụ tại công ty: Thành viên Ban kiểm soát

Bà Nghiêm Thị Thúy Tươi
Năm sinh: 08/06/1974
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán
Quá trình công tác:
* Từ 11/1994 - 6/1997: Chuyên viên kế toán - Phòng Tài chính - kế toán - Công ty DV Cụm cảng hàng không sân bay Miền Bắc.
* Từ 7/1997 - 03/2006: Chuyên viên kế toán - Phòng Tài chính - Kế toán - Công ty DV hàng không sân bay Nội Bài.
* Từ 4/2016 đến nay: Phó Trưởng Ban Nghiệp vụ thuộc Trung tâm Dịch vụ Hàng không - Công ty NASCO.

Chức vụ tại công ty: Thành viên Ban kiểm soát

4.2 Ban điều hành

Ông Đặng Huy Khôi
Năm sinh: 05/5/1960
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành quản lý kinh tế
Quá trình công tác:
* Từ 01/1979 - 8/1991: Bân bay Quốc tế Nội Bài.
* Từ 9/1991 - 9/1997: Công ty Dịch vụ CC hàng không sân bay Miền Bắc.
* Từ 10/1997 - 4/2006: Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty Dịch vụ hàng không sân bay Nội Bài.
* Từ 4/2006 đến nay: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài kiêm Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài.

Chức vụ tại công ty: Phó Tổng Giám đốc

Ông Trần Xuân Cương
Năm sinh: 07/10/1961
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư, cử nhân chuyên ngành kinh tế tổ chức vận tải ô tô
Quá trình công tác:
* Từ 01/1998 - 10/1989: Nhân viên thống kê - kế hoạch - Công ty xây dựng công trình hàng không.
* Từ 11/1989 - 11/1990: Trợ lý - Ban quản lý công trình - Sân bay Quốc tế Nội Bài.
* Từ 12/1990 - 6/1997: Công ty Dịch vụ CC hàng không sân bay Miền Bắc
* Từ 7/1997 - 9/2011: Xí nghiệp Vận tải ô tô Hàng không Nội Bài - Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài.
* Từ 9/2011 - 02/2012: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc XN Vận tải ô tô Hàng không Nội Bài - Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài.

Chức vụ tại công ty: Phó Tổng Giám đốc

5. Vị thế

Điểm mạnh

NASCO là doanh nghiệp uy tín trong việc cung cấp các dịch vụ tại Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài.

Công ty đã đạt được thị phần nhất định tại Cảng hàng không, cơ sở vật chất được đầu tư và khai thác có hiệu quả.

Doanh nghiệp có dịch vụ tốt, nhiều chính sách hỗ trợ, chuyên nghiệp và trách nhiệm với khách hàng.

Dịch vụ đóng gói hàng hóa, hành lý giúp khách hàng khắc phục các vấn đề kỹ thuật về hành lý, đảm bảo an toàn tài sản, phù hợp với yêu cầu của nhà vận chuyển hàng không.

NASCO là doanh nghiệp có uy tín tại Sân bay quốc tế Nội Bài trong lĩnh vực bảo dưỡng và sửa chữa các dòng xe ô tô từ 5-47 chỗ ngồi, xe tải nhẹ, xe đầu kéo và xe đặc chủng sàn thấp chở khách trong sân đỗ tàu bay.

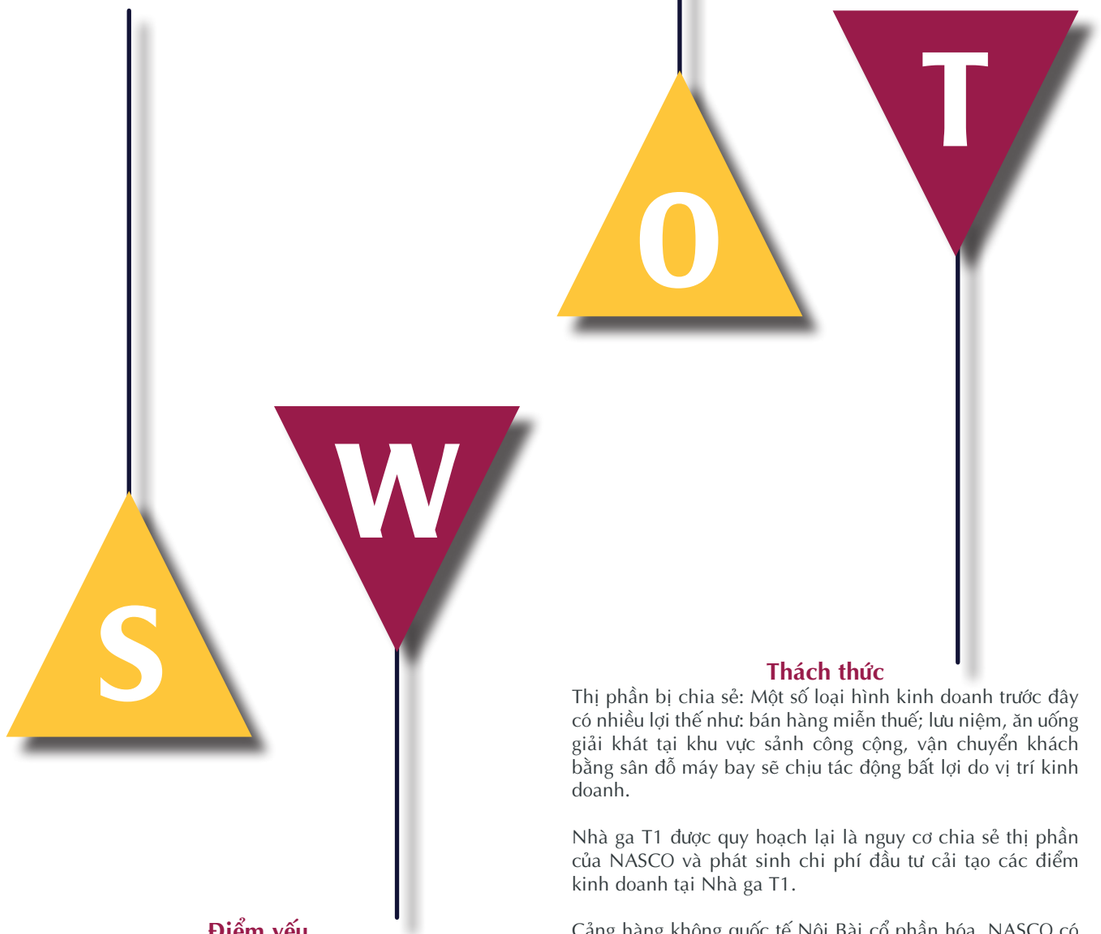

Điểm yếu

Công ty phải triển khai đầu tư các điểm kinh doanh , chi phí đầu tư và chi phí thuê mặt bằng dự kiến tăng cao.

Cơ hội

Công ty nhận được sự quan tâm, chỉ đạo, phối hợp của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Việt Nam là nước đang phát triển, Nhà nước đang định hướng cơ cấu nền kinh tế theo hướng tăng tỉ trọng dịch vụ do đó càng nhiều khách thăm quan đến Việt Nam, vì vậy lưu lượng khách qua Cảng Hàng không quốc tế Nội Bài tiếp tục tăng.

Thách thức

Thị phần bị chia sẻ: Một số loại hình kinh doanh trước đây có nhiều lợi thế như: bán hàng miễn thuế; lưu niệm, ăn uống giải khát tại khu vực sảnh công cộng, vận chuyển khách bằng sân đỗ máy bay sẽ chịu tác động bất lợi do vị trí kinh doanh.

Nhà ga T1 được quy hoạch lại là nguy cơ chia sẻ thị phần của NASCO và phát sinh chi phí đầu tư cải tạo các điểm kinh doanh tại Nhà ga T1.

Cảng hàng không quốc tế Nội Bài cổ phần hóa, NASCO có thêm nhiều đối thủ có tiềm lực tài chính đầu tư vào dịch vụ phi hàng không nhất là lĩnh vực kinh doanh miễn thuế, ăn nhanh giải khát.

Vị thế

Công ty luôn được xếp hạng doanh nghiệp loại A với sự tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận, thu nộp ngân sách nhà nước, tạo được việc làm và thu nhập cao đối với người lao động.

Trong ngành hàng không hiện nay, trên các lĩnh vực dịch vụ, vị trí của NASCO là doanh nghiệp tự đánh giá xếp hạng như sau:

* Dịch vụ vận chuyển khách sân đỗ tàu bay tại sân bay Nội Bài: Là doanh nghiệp hàng đầu trong vận chuyển bằng xe chở khách chuyên dụng.
* Dịch vụ phòng khách thương gia: Là doanh nghiệp có phòng chờ thương gia nội địa xếp thứ 2 trong hệ thống phòng chờ liên minh Sky Team, phòng chờ quốc tế xếp hạng nhất tại sân bay Nội Bài.
* Dịch vụ bán hàng miễn thuế: Là doanh nghiệp xếp hạng thứ 2 trong số 03 doanh nghiệp.
* Dịch vụ bán hàng bách hóa và lưu niệm tại nhà ga hành khách T1 và T2: Là doanh nghiệp có tổng diện tích kinh doanh chiếm 36% tổng diện tích mặt bằng kinh doanh phí hàng không.
* Dịch vụ nhà hàng ăn uống tại T1 chiếm 36% diện tích kinh doanh tại nhà ga T1.
* Dịch vụ vận chuyển xe tuyến: Là doanh nghiệp hàng đầu chuyên chở toàn bộ công nhân viên các đơn vị thuộc tổng công ty HKVN tại Nội Bài và một số doanh nghiệp lớn không thuộc VN.

6. Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu của công ty

* Ổn định và tổ chức kinh doanh tốt các dịch vụ hiện có, đẩy mạnh phát triển sản xuất kinh doanh cả về chiều rộng lẫn chiều sâu.

* Tiếp tục nâng cao chất lượng hàng hóa và dịch vụ để nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty, gia tăng thị phần và lợi thế cạnh tranh.

* Chú trọng đầu tư phát triển kinh doanh: giữ vững và phát triển năng lực hiện có, tăng cường ứng dụng công nghệ mới vào công tác quản lý sản xuất kinh doanh.

* Mở rộng sản xuất kinh doanh ra các thị trường ngoài khu vực Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài, trọng tâm là thành phố Hà Nội và thị trường lân cận.

* Phát triển kinh doanh một số lĩnh vực mới.

* Ổn định và nâng cao thu nhập của người lao động.

* Xây dựng NASCO có cơ cấu tài chính lành mạnh, an toàn và phát triển vốn tốt, kinh doanh có hiệu quả cao và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thu nộp Ngân sách Nhà nước.

6. Định hướng phát triển

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Chiến lược kinh doanh: Nâng cao chất lượng, giữ vững và tiếp tục tăng quy mô các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, đồng thời, nghiên cứu và phát triển những ngành kinh doanh mới đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

Tổ chức lại hoạt động kinh doanh của các Nhà hàng, các bộ phận của các đơn vị đảm bảo kinh doanh có hiệu quả:

Nghiên cứu, triển khai áp dụng thực tế các mô hình và phương thức kinh doanh mới theo xu thế hiện đại, hiện đại kết hợp với truyền thống tại các điểm kinh doanh mới được nhượng quyền để đáp ứng kịp thời sự thay đổi nhu cầu và phong các tiêu dùng của khách hàng tại Cảng hàng tại CHKQTNB, khắc phục hạn chế về lợi thế vị trí kinh doanh.

Áp dụng phương thức giao chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trên nguyên tắc đảm bảo hiệu quả hơn, nâng cao quyền tự chủ hơn đối với các nhà hàng, dần dần áp dụng rộng rãi tới các điểm kinh doanh khác để phù hợp tiến trình tái cơ cấu các lĩnh vực kinh doanh kém hiệu quả của Công ty, phù hợp với định hướng của Tổng công HKVN-CTCP.

Đối với Công ty Cổ phần Taxi NASCO: Mở rộng kinh doanh dịch vụ Taxi, minibus và các dịch vụ gia tăng khác như: dịch vụ kê khai hải quan, dịch vụ đưa đón khách VIP.

Đối với Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa NASCO: Phát triển mở rộng mạng lưới dịch vụ chuyển phát hàng hóa, liên kết với các đối tác nước ngoài để nối dài dịch vụ vận chuyển hàng hóa quốc tế. Triển khai các thủ tục pháp lý cần thiết để thực hiện đầu tư xây dựng các nhà ga hàng hóa tại khu vực sân bay Quốc tế Nội Bài.

Chiến lược đầu tư: Đầu tư cả chiều rộng và chiều sâu đảm bảo nguồn tài chính tăng trưởng bền vững và lành mạnh, đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng.

Định hướng về đầu tư:

Đầu tư cải tạo, mở rộng các điểm kinh doanh của Công ty tại khu vực nhà ga hành khách T1, T2 nhất là các điểm kinh doanh chủ chốt của Công ty.

Đầu tư thay thế trang thiết bị, công cụ dụng cụ, phương tiện vận tải phục vụ sản xuất kinh doanh đặc biệt là các phương tiện phục vụ khách trong sân đỗ tàu bay.

Định hướng về chính sách vốn:

Sử dụng tối đa các nguồn vốn hiện có từ vốn đầu tư của chủ sở hữu, các nguồn quỹ và lợi nhuận để lại chưa phân phối; các nguồn vốn ngắn hạn từ các nhà cung cấp; quản lý tốt công nợ. Trong trường hợp cần thiết có thể huy động thêm nguồn vốn vay thương mại, xã hội hóa nguồn vốn đầu tư.

Tăng vốn đầu tư chủ sở hữu (vốn điều lệ) thông qua phát hành cổ phiếu để đảm bảo cho hoạt động đầu tư của Công ty.

Chiến lược phát triển nguồn nhân lực: Nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực ngoại ngữ cho cán bộ nhân viên, người lao đông toàn công ty, xây dựng và phát triển thái độ phục vụ, tác phong làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả nhằm xây dựng thương hiệu NASCO uy tín và chuyên nghiệp.

Chiến lược khoa học công nghệ: Tiên phong và dẫn đầu.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý kinh doanh.

Tích cực ứng dụng công nghệ mới vào quá trình sản xuất, cung ứng dịch vụ nhằm giảm thời gian chờ đợi của khách hàng, nâng cao hình thức và chất lượng phục vụ.

7. Rủi ro

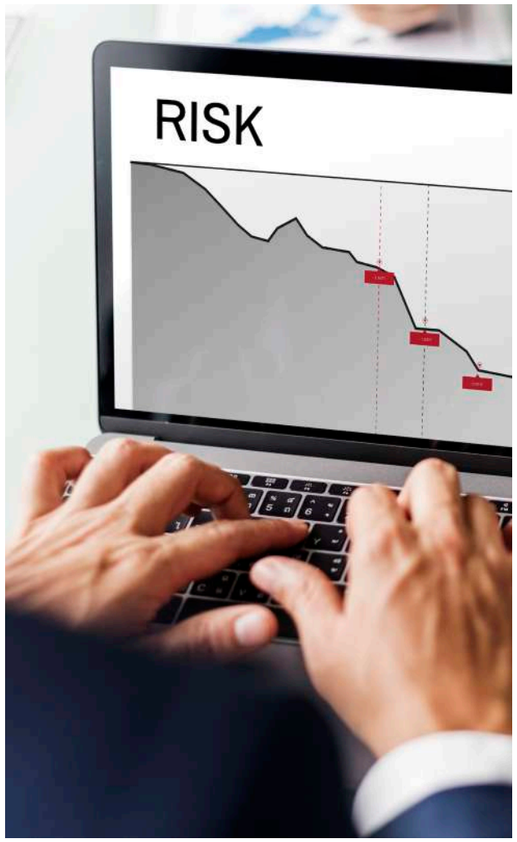

Rủi ro về xã hội: Sự bất ổn kinh tế - chính trị toàn cầu

Tình hình an ninh - chính trị thế giới thay đổi nhanh chóng, diễn biến rất phức tạp, khó lường; tình trạng xâm phạm chủ quyền quốc gia, tranh chấp lãnh thổ và tài nguyên, xung đột sắc tộc, tôn giáo, can thiệp lật đổ, khủng bố, chiến tranh mạng, chiến tranh cục bộ,... tiếp tục diễn ra gay gắt ở nhiều khu vực ảnh hưởng đến ngành vận tải hàng không nói chung.

Những vấn đề toàn cầu như an ninh tài chính, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh có nhiều diễn biến phức tạp.

Xu thế hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng kéo theo làn song các doanh nghiệp FDI đầu tư sản xuất-kinh doanh tại Việt Nam không ngừng gia tăng. Cạnh tranh thương mại sẽ ngày càng trở nên gay gắt hơn, đặc biệt là nhóm ngành dịch vụ phi hàng không.

Rủi ro về tài chính

Rủi ro về lãi suất và tỷ giá:
Công ty có các giao dịch hoạt động tiền gửi và tiền vay đối với các tổ chức tín dụng trong nước. Khi có sự biến động tăng lãi suất, Công ty sẽ phải chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã ký kết. Tuy nhiên, rủi ro này đã được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Công ty có mua hàng hóa từ các nhà cung cấp ngoài nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Hoạt động kinh doanh của Công ty có dòng tiền thu vào và chi ra bằng đô la (USD) vì vậy khi tỷ giá hối đoái biến động làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến để lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ.

Rủi ro pháp lý

Sự thay đổi cơ chế chính sách về Luật Bảo hiểm xã hội, Quyết định số 4224/QĐ-BGTVT ngày 29/12/2016 của Bộ giao thông vận tải về việc ban hành khung giá một số dịch vụ phi hàng không tại cảng hàng không, sân bay Việt Nam cũng ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

B TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động SXKD

Thông tin ngành

Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài thuộc lĩnh vực hỗ trợ vận tải đường hàng không - hoạt động đóng vai trò quan trọng nhất trong chuỗi giá trị ngành.

Vận tải hàng hóa chiếm khoảng 25% giá trị xuất, nhập khẩu của Việt Nam. Ngành vận tải hàng không Việt Nam vẫn đang trong quá trình phát triển và dự báo sẽ tăng trưởng mạnh trong thời gian tới, dựa trên các động lực sau:
(1) Sự phục hồi của ngành Hàng không thế giới.
(2) Việt Nam nằm trong khu vực hàng không năng động.
(3) Hoạt động đầu tư và du lịch tăng trưởng nhanh.(4) Mức sống người dân được cải thiện.

Theo dự báo của Hiệp hội Vận tải Hàng không quốc tế (IATA), Việt Nam sẽ trở thành thị trường hàng không phát triển nhanh thứ 5 thế giới, đạt 150 triệu lượt hành khách vận chuyển vào năm 2035. Còn ở trong nước, tỉ lệ người dân đi máy bay của Việt Nam đang tăng nhanh. Với dân số gần 100 triệu người, hàng không nội địa Việt Nam được IATA dự báo sẽ tăng trung bình 15%/năm trong thời gian tới. Dự báo, tổng thị trường vận chuyển hành khách của các hãng hàng không Việt Nam tăng trung bình 16%/năm trong giai đoạn đến năm 2020 và 8%/năm giai đoạn 2020 - 2030. Hàng hóa tăng trung bình 18%/năm giai đoạn đến 2020 và 12%/năm giai đoạn 2020 - 2030. Sản lượng vận chuyển đạt 64 triệu lượt hành khách/năm vào năm 2020 và 131 triệu lượt hành khách vào năm 2030. Liên quan đến việc phát triển đội tàu bay, theo quy hoạch, số lượng tàu bay khai thác của các hãng hàng không đến năm 2020 là trên 220 chiếc và đến năm 2030 là 400 chiếc (hiện tại có 173 chiếc.

Kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch

Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2019

Chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2019	TH năm 2019	TH 2019/KH 2019 (%)
Doanh thu	Triệu đồng	474.422	447.075	94,24%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	31.560	32.112	101,75%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	28.355	27.291	96,25%
Cổ tức	%	28%	32%	114,29%

Kết thúc năm 2019, doanh thu đạt 447.075 triệu đồng, đạt 94,24% so với kế hoạch đề ra. Lợi nhuận sau thuế 27.291 triệu đồng, đạt 96,25% kế hoạch.

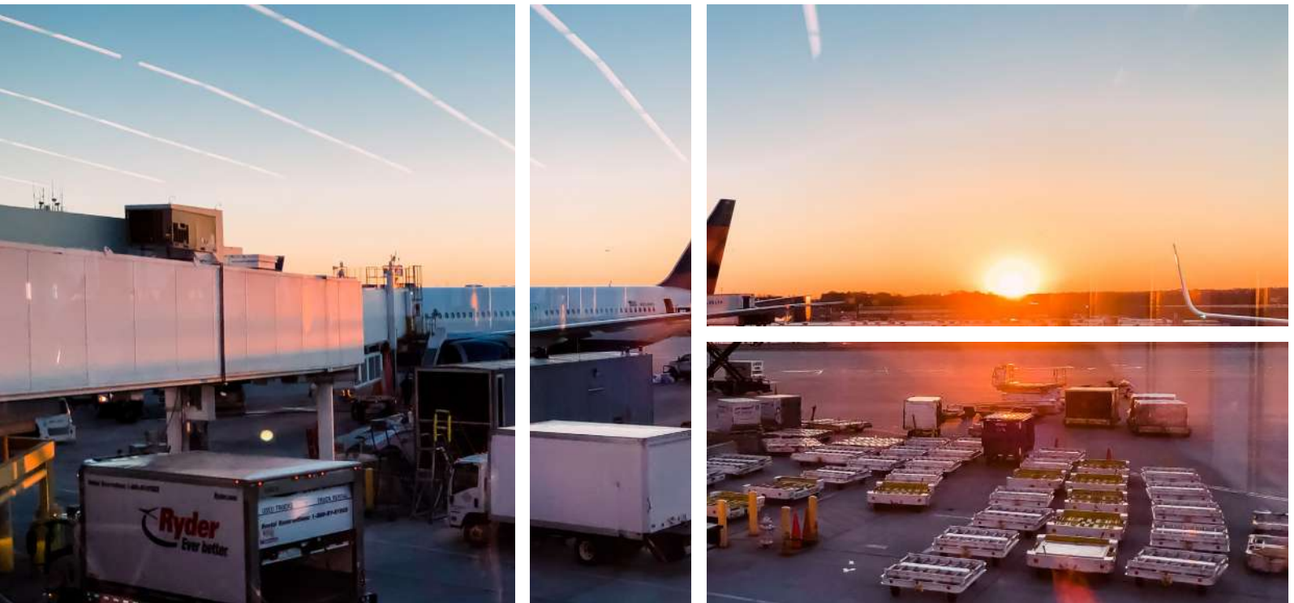

Kết quả kinh doanh qua các năm

Bảng chỉ tiêu kết quả kinh doanh giai đoạn 2016 - 2019

Chỉ tiêu	Đơn vị	2016	2017	2018	2019	2019/2018 (%)
Doanh thu	triệu đồng	450.098	419.542	441.936	447.075	1,16%
Doanh thu thuần	triệu đồng	415.138	399.552	422.937	434.917	2,83%
Giá vốn hàng bán	triệu đồng	224.433	194.599	189.833	184.885	-2,61%
Lợi nhuận gộp	triệu đồng	190.705	204.953	233.104	250.032	7,26%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính	triệu đồng	17.593	12.067	10.518	9.122	-13,27%
Chi phí hoạt động	triệu đồng	182.556	194.764	214.345	227.887	6,32%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	triệu đồng	25.742	22.256	29.277	31.266	6,79%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	triệu đồng	12.789	105	(252)	845	-435,32%
Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	38.531	22.361	29.025	32.112	10,64%
Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	34.093	21.337	26.322	27.291	3,68%

Sự tăng trưởng của Công ty trong giai đoạn 2016-2019 được thể hiện qua một số chỉ tiêu tài chính. Cụ thể, doanh thu thuần của Công ty trong 4 năm có sự biến động nhẹ. Năm 2017, doanh thu thuần của Công ty là 399.552 triệu đồng, giảm 3,75% so với 2016 là do trong năm này, môi trường kinh doanh tại khu vực Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài có nhiều biến động đặc biệt từ khi Cảng HKQT Nội Bài tiến hành cải tạo, sửa chữa nhà ga T1. Đến năm 2018, doanh thu thuần của Công ty là 422.937 triệu đồng, tăng 5,85% so với năm 2017 và lợi nhuận sau thuế cũng tăng 23,36%, đạt 26.322 triệu đồng. Sự tăng lên trong lợi nhuận do công ty có các dự án kinh doanh với các đối tác như VP Bank, Go Japan triển khai đúng kế hoạch góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Sang năm 2019, công ty tiếp tục theo đà phát triển, thể hiện qua kết quả doanh thu đạt 434.917 triệu đồng, tăng 2,83% so với năm 2018. Để có thể tiếp tục phát triển mạnh mẽ hơn nhờ vào sự nỗ lực không ngừng nghỉ của toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty. Hội đồng quản trị Công ty và từng thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện chương trình hoạt động định kỳ theo chuyên đề theo đúng kế hoạch: Tập trung cho công tác chỉ đạo, cùng Tổng Giám đốc thực hiện điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, chuẩn bị các phương án ứng phó với các biến động của thị trường một cách kịp thời và linh hoạt. Bên cạnh đó, Công ty cũng tiếp tục duy trì hoạt động kinh doanh ở những lĩnh vực có thế mạnh, nhiều kinh nghiệm (Phòng khách Bông sen, chuyên chở khách trong sân đỗ máy bay, bán hàng miễn thuế, lưu niệm), giữ vững thị phần các hoạt động này, từng bước tìm kiếm những thị trường, lĩnh vự kinh doanh mới. Công ty tiếp tục đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị (Phương tiện vận tải) nâng cao năng lực và chất lượng dịch vụ, tăng cường công tác quản lý hoạt động đầu tư ra ngoài doanh nghiệp. Công ty tiếp tục nghiên cứu thị trường để triển khai một số loại hình kinh doanh mới, cơ cấu lại những lĩnh vực kinh doanh kém hiệu quả, tăng cường truyền thông quảng bá các loại hình dịch vụ nhằm mở rộng thị phần và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Hơn hết, Công ty tích cực xây dựng phương án huy động các nguồn vốn khác nhau (liên doanh, liên kết, hợp tác kinh doanh,...) để đảm bảo đủ nguồn vốn thực hiện các dự án đầu tư trọng điểm của công ty. Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác của Công ty tăng gấp 4.35 lần so với năm 2018 chủ yếu do doanh thu từ hoạt động khác tăng mạnh và chi phí giảm mạnh. Chi phí hoạt động năm 2019 tăng 6,32% so với năm 2018, đạt 227.887 triệu đồng chủ yếu do Công ty tăng chi phí cho người lao động như: chi phí tiền lương, các loại bảo hiểm liên quan đến người lao động, chi phí trang phục, khám sức khỏe..., chi phí khấu hao các tài sản cố định hình thành trong cuối năm 2018 và đầu tư mới năm 2019 (Các tài sản cuối năm 2018: 02 xe chở khách hạng Y trong sân đỗ tàu bay, 01 xe tuyến mới, các trang thiết bị lẻ, các tài sản hình thành và đưa vào khấu hao 2019: 04 xe chuyên dụng phục vụ chở khách hạng C trong sân đỗ tàu bay, 01 xe văn phòng, trung tâm Briefing...). Bên cạnh đó, chi phí thuê mặt bằng cũng tăng so với năm 2018 là do Công ty phát sinh các chi phí thuê quảng cáo các biển nhà hàng, chi phí đặt standee và chi phí thuê mặt bằng mở rộng phòng khách hạng thương gia nội địa. Các chi phí đầu váo khác cũng tăng như: chi phí nguyên nhiên vật liệu, chí phí báo chí tài liệu,...

1. Tình hình hoạt động SXKD

Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm

Chỉ tiêu	ĐVT	Doanh thu thuần		
		TH 2018	TH 2019	% Tăng trưởng
Dịch vụ vận chuyển	triệu đồng	58.489	63.951	9,34%
Bán hàng miễn thuế	triệu đồng	102.525	81.320	-20,68%
Bán hàng hóa	triệu đồng	19.624	18.319	-6,65%
Dịch vụ nhà hàng, ăn uống	triệu đồng	239.020	264.958	10,85%
Dịch vụ khác	triệu đồng	4.017	6.723	67,36%
Tổng	triệu đồng	423.675	435.271	2,74%

Hai lĩnh vực trọng yếu trong cơ cấu doanh thu của Công ty là dịch vụ nhà hàng, ăn uống và dịch vụ bán hàng miễn thuế. Năm 2018, dịch vụ nhà hàng, ăn uống và dịch vụ bán hàng miễn thuế lần lượt chiếm 56,42% và 24,20%. Sang đến năm 2019, tỉ trọng của dịch vụ nhà hàng, ăn uống tăng lên thành 60,87%, nhưng dịch vụ bán hàng miễn thuế giảm còn 18,68% trong cơ cấu doanh thu. Bên cạnh đó, dịch vụ vận chuyển cũng chiếm tỉ trọng lớn chỉ sau dịch vụ nhà hàng ăn uống và dịch vụ bán hàng miễn thuế và tỉ trọng của dịch vụ này trong năm 2019 cũng tăng nhẹ thành 14,69% so với năm 2018 là 13.81%. Lý do cho sự tăng trưởng trong tỉ trọng của dịch vụ này do nhu cầu di chuyển và vận chuyển các loại hàng hóa xách tay và kí gửi tăng. Dịch vụ nhà hàng ăn uống tiếp tục tăng trưởng mạnh là do sự đầu tư của Công ty đối với các nhà hàng như Nhà hàng Quốc tế, nhà hàng Sen Vàng, nhà hàng NASCO. Nhà hàng Quốc tế được nhiều khách hàng Quốc tế biết đến với nhiều thực đơn phong phú. Ngoài ra, nhà hàng Quốc tế của NASCO chuyên phục vụ khách chậm, nhỡ chuyến của các Hãng hàng không với hình thức phục vụ tại Nhà hàng hoặc ngay tại cửa ra máy bay theo yêu cầu. Nhà hàng NASCO có vị trí thuận lợi ở giữa trung tâm khu vực công cộng tầng 4 Nhà ga T1 cùng với thiết kế hiện đại, sang trọng phục vụ đồng thời 150 khách. Hiện nay NASCO đang vận chuyển khách cho trên 20 hãng hàng không trong nước và quốc tế. NASCO cũng cung cấp dịch vụ xe dẫn đường cho các đoàn xe, dịch vụ đưa đón khách VIP, dịch vụ chở đại diện của các Hãng hàng không, dịch vụ thuê xe gác tàu bay, dịch vụ thuê xe giám sát hàng hóa. Hai lĩnh vực dịch vụ này góp phần làm tăng tổng doanh thu Công ty mẹ năm 2019 lên 447,075 triệu đồng, tăng 1,16% so với năm 2018.

Cơ cấu doanh thu 2018

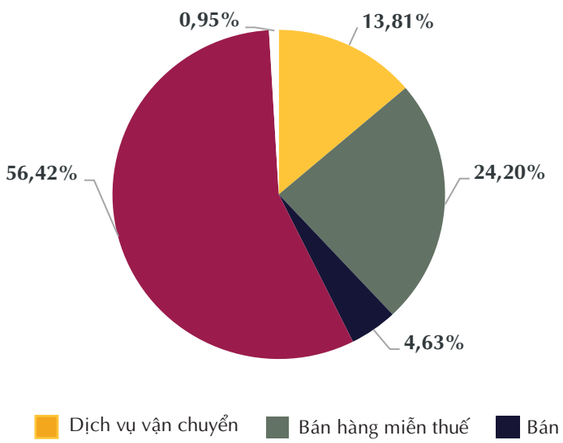

Cơ cấu doanh thu 2019

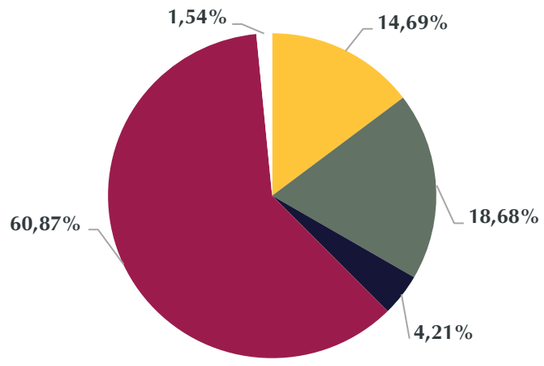

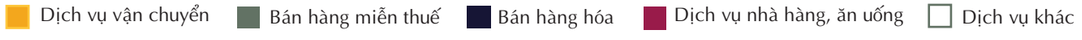

2. Tổ chức và nhân sự

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên diễn ra vào ngày 26/4/2019, Công ty đã có một số thay đổi về mặt nhân sự như sau:

Bà Phan Thị Diễm Anh được bầu làm Thành viên Hội đồng quản trị thời hạn 05 năm kể từ ngày 26/4/2019 thay ông Vũ Đình Thủy.

Ông Nguyễn Tiến Dũng được bầu làm Trưởng Ban Kiểm soát thời hạn 05 năm kể từ ngày 26/4/2019 thay bà Nguyễn Thị Thiên Kim.

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh được bầu làm Thành viên Ban Kiểm soát thời hạn 05 năm kể từ ngày 26/4/2019 thay bà Trần Kim Oanh.

Ông Nguyễn Trường Thi được bầu làm Thành viên Kiểm soát thời hạn 05 năm kể từ ngày 04/10/2019 thay bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh.

Cơ cấu nhân sự của Công ty tại thời điểm 31/12/2019

STT	Tiêu chí	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	Tỷ trọng 2018	Tỷ trọng 2019
I	**Theo trình độ lao động**					
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	Người	232	240	38,41%	38,77%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	Người	89	89	14,74%	14,38%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	Người	235	232	38,91%	37,48%
4	Lao động phổ thông	Người	48	58	7,95%	9,37%
II	**Theo đối tượng lao động**					
1	Lao động trực tiếp	Người	457	432	75,66%	69,79%
2	Lao động gián tiếp	Người	147	187	24,34%	30,21%
III	**Theo giới tính**					
1	Nam	Người	263	270	43,54%	43,62%
2	Nữ	Người	341	349	56,46%	56,38%
Tổng cộng		Người	604	619	100,00%	100,00%

Cơ cấu lao động theo trình độ

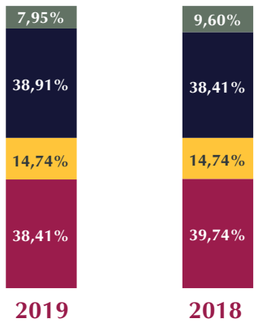

Cơ cấu lao động theo đối tượng

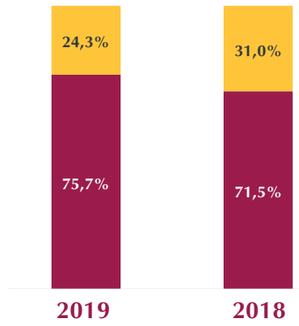

Cơ cấu lao động theo giới tính

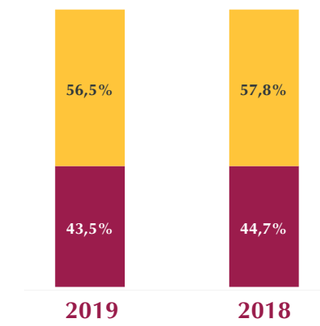

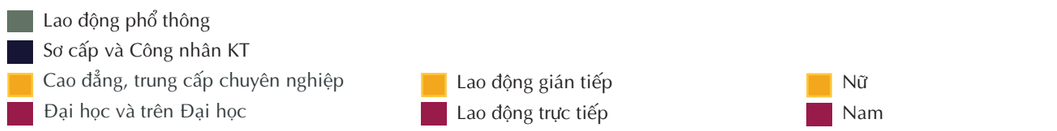

2. Tổ chức và nhân sự

Thống kê lao động qua các năm

STT	Tiêu chí	2015	2016	2017	2018	2019
1	Số lượng người lao động	998	706	643	604	619
2	Thu nhập/ lương trung bình (triệu đồng/ người/ tháng)	9.581.000	10.775.000	11.320.000	12.246.532	12.895.909

Số lượng lao động qua các năm

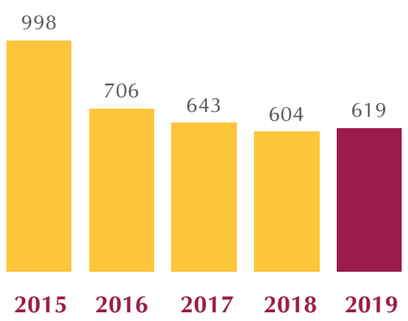

Mức lương trung bình (triệu đồng/người/tháng)

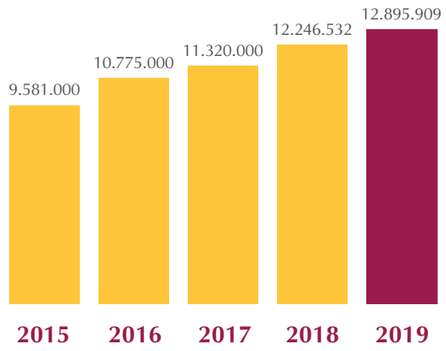

Chính sách đào tạo

Chính sách về lương, thưởng

Quy chế tiền lương, thưởng của Công ty được ban hành trên tinh thần đảm bảo công bằng, minh bạch, khuyến khích người lao động gắn bó lâu dài với Công ty và tạo động lực, nâng cao chất lượng và tinh thần trách nhiệm đối với công việc.

Thu nhập của người lao động tại Công ty là thu nhập theo tháng, dựa trên mức thu nhập Công ty trích, nộp các khoản kinh phí Công đoàn, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, thuế Thu nhập cá nhân cho cán bộ, công nhân viên.

Chính sách về trợ cấp

Ngoài tiền lương, thưởng, cán bộ công nhân viên tại NASCO còn được hưởng các khoản trợ cấp, phụ cấp khác tùy thuộc vào đặc thù công việc, vị trí công tác, năng lực của mỗi người (như phụ cấp điện thoại, xăng dầu, công tác phí,...).

Công tác chăm sóc sức khỏe cho cán bộ, công nhân viên luôn được quan tâm. Hàng năm cán bộ, công nhân viên đều được khám sức khỏe định kỳ. Bên cạnh đó, Công ty cũng luôn quan tâm đến thân nhân, gia đình cán bộ, công nhân viên, thường xuyên có các hoạt động hỗ trợ những gia đình có người thân đau ốm, cưới xin, ma chay,...

Chính sách thu hút đào tạo nguồn nhân lực

Với môi trường làm việc chuyên nghiệp, chính sách đãi ngộ với cán bộ, công nhân viên hợp lý, NASCO đã có được nguồn nhân lực đông đảo, có năng lực và kinh nghiệm. Bên cạnh đó, quá trình tuyển dụng đào tạo của Công ty được xây dựng khoa học và linh hoạt. Việc tuyển dụng lao động của Công ty được thực hiện qua các phương tiện thông tin đại chúng, website Công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài trong năm 2019 đã tổ chức tập huấn nâng cao trình độ nghiệp vụ và quản lý cho cán bộ, công nhân viên và người lao động trong Công ty. Cụ thể:

* Đào tạo chứng chỉ An Ninh Hàng không cho nhân viên làm việc tại Cảng HKQT Nội Bài.
* Đào tạo chứng chỉ lái xe sân đỗ cho lái xe chở khách trong sân đỗ tàu bay.
* Đào tạo chứng chỉ ATVSLĐ, chứng chỉ PCCC.
* Đào tạo Nghiệp vụ đấu thầu.

3. Tình hình đầu tư và thực hiện dự án

Tổng mức đầu tư - xây dựng cơ bản năm 2019 là 37,76 tỷ đồng

Dự án chuyển tiếp: 10,79 tỷ đồng
Đầu tư trang thiết bị: 10,79 tỷ đồng
Kinh phí chuẩn bị đầu tư: 0 triệu đồng
Kinh phí thực hện đầu tư: 10,79 tỷ đồng

Tỷ lệ hoàn thành dự án 21,3%

Dự án mới: 26,97 tỷ đồng
Đầu tư trang thiết bị: 2,78 tỷ đồng
Kinh phí chuẩn bị đầu tư: 0 đồng
Kinh phí thực hiện đầu tư: 2,78 tỷ đồng
Kinh phí đầu tư trang thiết bị không theo dự án: 0 đồng
Đầu tư xây dựng cơ bản: 24,19 tỷ đồng
Kinh phí chuẩn bị đầu tư: 1,4 tỷ đồng
Kinh phí thực hiện đầu tư: 22,79 tỷ đồng
Tỷ lệ hoàn thành dự án 40,8%

Kế hoạch đầu tư- xây dựng cơ bản 2017-2020:

Giai đoạn 2017 - 2020, Công ty cần huy động 117.96 tỷ đồng vốn đầu tư để thực hiện các dự án. Nguồn vốn cho các khoản đầu tư sẽ được lấy từ các nguồn: quỹ khấu hao cơ bản tài sản cố định, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, tăng vốn điều lệ, vốn vay ngân hàng và các quỹ khác. Danh mục đầu tư bao gồm đầu tư thay thế, bổ sung trang thiết bị để đảm bảo chất lượng dịch vụ, đầu tư trang thiết bị tại Nhà ga T1 sau khi cải tạo và đầu tư xây dựng cơ sở vật chất phục vụ công tác quản lý.

Tình hình đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết năm 2019

STT	Danh mục đầu tư	Kế hoạch năm 2019		
		Vốn đầu tư lũy kế đến thời điểm cuối năm	Tỷ lệ góp vốn đến thời điểm cuối năm (%)	Kế hoach cổ tức/ lợi nhuận được chia (%)
1	Đầu tư vào công ty con *(Công ty Cổ phần Giao nhận hàng hóa NASCO)*	25.500	13,08	765
2	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết *(Công ty CP Đầu tư Dịch vụ hàng không Việt Nam)*	3.780	36	316,96
3	Đầu tư tài chính khác *Công ty CP Dịch vụ hàng hóa Nội Bài)*	6.694,69	6,98	13.890,14

Tại thời điểm ngày 31/12/2019, tình hình thực hiện đầu tư tài chính của Công ty CP Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài cụ thể như sau

	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị hợp lý (VND)
Đầu tư vào công ty con *(Công ty Cổ phần Giao nhận hàng hóa NASCO)*	57.720.000.000	(3.011.107.840)	
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết *(Công ty CP Đầu tư Dịch vụ hàng không Việt Nam)*	1.280.000.000	(611.340.811)	
Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác *(Công ty CP Dịch vụ hàng hóa Nội Bài)*	6.694.690.000		130.859.688.400
Tổng	65.694.690.000	(3.622.448.851)	130.859.668.400

4. Tình hình tài chính

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	% Tăng trưởng
Tổng tài sản	triệu đồng	310.895	347.142	11,66%
Doanh thu thuần	triệu đồng	422.937	434.917	2,83%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	triệu đồng	29.277	31.266	6,79%
Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	triệu đồng	10.518	9.122	-13,27%
Lợi nhuận khác	triệu đồng	(252)	845	-435,32%
Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	29.025	32.112	10,64%
Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	26.322	27.291	3,68%

Tình hình tài chính của Công ty xuất hiện những dấu hiệu khả quan với sự tăng trưởng tích cực thể hiện qua một số chỉ tiêu tài chính nổi bật. Tổng tài sản tăng 11,66% so với năm 2018, đạt 347.142 triệu đồng do Công ty đã đưa vào sử dụng các dự án đầu tư trang thiết bị trong năm 2019 như: Dự án đầu tư 01 xe 45 chỗ phục vụ xe tuyến, dự án đầu tư 04 xe sàn thấp phục vụ khách hạng C, dự án 01 xe ô tô 05 chỗ ngồi,... Doanh thu thuần cũng tăng 2,83% đạt 434.917 triệu đồng do tăng mạnh từ dịch vụ nhà hàng và dịch vụ vận chuyển. Lợi nhuận từ hoạt động tài chính từ cổ tức giảm 13.27% so với năm ngoái, còn 9.122 triệu đồng. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng 6.79%, đạt 31.266 triệu đồng do hầu hết các lĩnh vực kinh doanh đều có sự tăng trưởng, một số điểm kinh doanh mới tại nhà ga T1 đi vào hoạt động ổn định và doanh thu tăng nguồn thu từ dự án cho thuê văn phòng làm trung tâm Briefing phục vụ tiếp viên và phi công của VNA tại Nội Bài.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017	2018	2019	2019-2018
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán						
Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,49	1,19	1,20	1,27	6,04%
Hệ số thanh toán nhanh	lần	1,40	1,08	0,86	0,98	13,74%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn						
Hệ số nợ/tổng tài sản	%	44,34%	44,11%	51,48%	55,52%	7,85%
Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	%	79,66%	78,91%	106,10%	124,83%	17,65%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động						
Vòng quay hàng tồn kho	vòng	40,06	48,89	17,29	11,25	-34,93%
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	vòng	1,47	1,52	1,36	1,25	-7,90%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời						
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	8,21%	5,34%	6,22%	6,27%	0,83%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH (ROE)	%	21,65%	14,49%	17,45%	17,68%	1,29%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS (ROA)	%	12,05%	8,10%	8,47%	7,86%	-7,14%
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ DT thuần	%	6,20%	5,57%	6,92%	7,19%	3,85%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư CSH

Cơ cấu cổ đông

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông lớn	5.141.536	61,83%
	Tổng CT Hàng không Việt Nam	4.241.160	51,00%
	Ông Đỗ Hữu Nghĩa	900.376	10,83%
2	Cổ đông nhỏ	3.173.946	38,17%
	Tổng cộng	**8.315.482**	**100%**
3	Cổ đông tổ chức	5.575.660	67.05%
4	Cổ đông cá nhân	2.739.822	32,95%
	Tổng cộng	**8.315.482**	**100%**
5	Cổ đông trong nước	8.243.982	99,14%
6	Cổ đông nước ngoài	71.500	0,86%
	Tổng cộng	**8.315.482**	**100%**
7	Cổ đông nhà nước	4.241.160	51,00%
8	Cổ đông khác	4.074.322	49,00%
	Tổng cộng	**8.315.482**	**100%**

Cổ phần

Vốn điều lệ: 83.157.640.000 đồng
Số cổ phiếu đang lưu hành: 8.315.482 cổ phiếu
Số cổ phiếu niêm yết: 8.315.764 cổ phiếu
Cổ phiếu quỹ: 2.820.000 cổ phiếu
Tổng số cổ phần: 8.315.764 cổ phiếu

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của CSH

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
1	Tháng 11/2007	4.950.000.000	49.950.000.000	Phát hành chia cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 137/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/8/2007. Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán số 753/UBCK ngày 03/10/2007. Báo cáo kết quả phát hành ngày 30/11/2007. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103011589 thay đổi lần thứ 2 ngày 03/3/2008.
2	Tháng 7/2009	19.799.440.000	69.298.040.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 337/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/5/2009. Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 1153/UBCK-QLPH ngày 15/6/2009. Báo cáo kết quả phát hành ngày 7/2009. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100108254 thay đổi lần thứ 3 ngày 4/8/2010.
3	Tháng 10/2010	13.859.600.000	83.157.640.000	Phát hành chia cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hện hữu	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 453/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2010. Thông báo nhận đầy đủ tài liệu thông báo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức ngày 23/09/2010. Báo cáo kết quả phát hành ngày 21/10/2010. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100108254 thay đổi lần thứ 4 ngày 25/3/2011.

C BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2019	TH năm 2019	TH 2019/KH 2019 (%)
Doanh thu	Triệu đồng	474.422	447.075	94,24%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	31.560	32.112	101,75%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	28.355	27.291	96,25%
Cổ tức	%	28%	32%	114,29%

Năm 2019 Công ty gần đạt kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận, vẫn đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông. Sở dĩ công ty chưa đạt các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh là do các yếu tố về thị trường và hoạt động đầu tư: Thị trường vận tải hàng không tại Cảng HKQT Nội Bài cạnh tranh ngày càng gay gắt; thói quen mua sắm hàng hóa của khách hàng tại sân bay bị giảm sút nhiều do ảnh hưởng của thương mại điện tử. Bên cạnh đó, trong năm 2019, Công ty đang nghiên cứu, triển khai thử nghiệm các mô hình và phương thức kinh doanh mới theo xu thế hiện đại kết hợp với truyền thống tại các điểm kinh doanh mới được nhượng quyền để đáp ứng sự thay đổi nhu cầu và phong cách tiêu dùng của khách hàng. Các loại hàng hóa trong NASCO DUTY FREE SHOP đều được kiểm soát và giám sát chặt chẽ về chất lượng và nguồn gốc xuất xứ, phù hợp với các quy định Pháp luật Việt Nam cũng như thông lệ quốc tế. Kinh doanh dịch vụ nhà hàng ăn uống cũng mang lại cho Công ty thêm nguồn thu với sự đầu tư của Công ty vào 03 nhà hàng: Nhà hàng Quốc Tế, Nhà hàng NASCO và nhà hàng Sen Vàng.

2. Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

TÀI SẢN	Năm 2018	Năm 2019	Tăng trưởng
A - Tài sản ngắn hạn	149.184.657.667	145.905.976.408	-2,20%
Tiền và các khoản tương đương tiền	59.420.081.540	46.821.314.842	-21,20%
Các khoản phải thu ngắn hạn	47.069.638.540	60.888.079.794	29,36%
Hàng tồn kho	41.966.311.806	37.059.701.081	-11,69%
Tài sản ngắn hạn khác	728.625.781	1.136.880.691	56,03%
B - Tài sản dài hạn	161.710.608.598	171.131.562.750	5,83%
Các khoản phải thu dài hạn	1.128.631.563	1.186.631.563	5,14%
Tài sản cố định	95.346.596.837	98.950.703.569	3,78%
Tài sản dở dang dài hạn	112.172.726	1.712.737.106	1426,87%
Đầu tư tài chính dài hạn	62.072.241.349	65.084.023.637	4,85%
Tài sản dài hạn khác	3.050.966.123	4.197.466.875	37,58%
Tổng tài sản	310.895.266.265	317.037.539.158	1,98%

Tổng tài sản của Công ty mẹ trong năm 2019 tăng 1.98% so với năm 2018, đạt 317,04 tỷ đồng, chủ yếu do tăng tài sản dài hạn, tài sản ngắn hạn giảm do giảm lượng tiền và hàng tồn kho. Các khoản phải thu ngắn hạn tăng do áp dụng chính sách bán hàng linh hoạt nhằm tăng trưởng doanh thu và thị phần. Công ty cũng quản lý chặt chẽ số lượng hàng tồn kho, đảm bảo không bị ứ đọng vốn, giảm thiểu chi phí lưu kho, áp dụng chính sách chiết khấu thương mại nhằm đẩy nhanh tốc độ luân chuyển vốn, tăng tính thanh khoản và hạn chế lượng vốn bị chiếm dụng do Công ty tiếp tục đầu tư trang thiết bị (phương tiện vận tải) nâng cao năng lực và chất lượng dịch vụ.

Tình hình nguồn vốn

Nguồn vốn	Năm 2018	Năm 2019	Tăng trưởng
Nợ phải trả	160.050.679.768	192.737.737.767	20,42%
Nợ ngắn hạn	124.130.191.745	127.044.510.162	2,35%
Nợ dài hạn	35.920.488.023	65.693.227.605	82,89%
Vốn chủ sở hữu	150.844.586.497	154.403.961.483	2,36%
Tổng nguồn vốn	310.895.266.265	347.141.699.250	11,66%
Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	51,48%	55,52%	7,85%
Nợ phải trả/ Nguồn vốn chủ sở hữu	106,10%	124,83%	17,65%

Hệ số nợ/Tổng nguồn vốn của Công ty trong năm 2019 hơi ở mức báo động (55,52%). Nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn nhất, chiếm 78% trong cơ cấu nợ phải trả của Công ty, nhưng đến năm 2019, chỉ tiêu này chỉ chiếm 66%. Trong đó, chủ yếu là các khoản phải trả ngắn hạn cho các đối tác kinh doanh của NASCO. Nợ dài hạn trong năm tăng 82.89% so với năm 2018. Ban lãnh đạo Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài (NASCO) cần chú trọng thêm trong công tác quản lý, cân đối cơ cấu nguồn vốn; giảm thiểu chi phí, rủi ro tài chính; đảm bảo tính thanh khoản và huy động mọi nguồn lực để đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho quá trình sản xuất và kinh doanh.

3. Cải tiến trong cơ cấu lao động, chính sách, quản lý

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất

Công ty tập trung đầu tư phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu:

Về chiều rộng: Đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh lĩnh vực hiện có của NASCO có khả năng phát triển như: Thay thế, đầu tư thêm phương tiện vận tải hành khách phục vụ vận chuyển CB-CNV, vận chuyển xe tuyến, phòng chờ hạng Thương gia đạt tiêu chuẩn 5*. Đầu tư cở sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý.

Về chiều sâu: Đầu tư đổi mới công nghệ, trang thiết bị để nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ. Tích cực ứng dụng công nghệ mới vào quy trình sản xuất, cung ứng dịch vụ và quản lý hoạt động kinh doanh hiệu quả.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Tăng cường công tác đào tạo, đa dạng hóa loại hình đào tạo, chú trọng công tác đào tạo và đào tạo nâng cao: Chú trọng công tác quy hoạch cán bộ để có đội ngũ cán bộ trẻ, có trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ; thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho người lao động.

Đánh giá thường xuyên về nguồn lực con người để sắp xếp và phân bổ lao động có hiệu quả nhất. Xem xét việc cơ cấu lại hoạt động lĩnh vực kinh doanh kém hiệu quả, từ đó điều chỉnh lại chính sách lao động tại các điểm kinh doanh một cách hợp lí, hiệu quả.

Nâng cao quỹ tiền lương, thu nhập bình quân và các chế độ phúc lợi cho NLĐ như: tăng chi phí về trang phục bảo hộ lao động, chi phí nghỉ mát, chi phí khám sức khỏe.

Nâng cao chất lượng công tác quản lý

Tăng cường quản công tác quản lý chất lượng theo hệ thống ISO 9001-2015. Duy trì chương trình 5S của Công ty.

Hoàn thiện quy trình làm việc, nhiệm vụ cụ thể, giao chỉ tiêu đến từng bộ phận, cá nhân để nâng cao tính chủ động của đơn vị, cá nhân trong hoạt động kinh doanh; tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản pháp lý để điều hành và quản lý Công ty; tổ chức giám sát chặt chẽ việc thực hiện các quy chế, quy định, nội quy, định mức của Công ty tại đơn vị.

Thực hiện nghiêm chỉnh chế độ thống kê báo cáo.

4. Phương hướng phát triển

Giữ vững và phát triển thị phần những lĩnh vực kinh doanh chính tại Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài: Dịch vụ vận tải hành khách, kinh doanh hàng miễn thuế, phòng chờ hạng thương gia và kinh doanh nhà hàng - ăn uống.

Nghiên cứu thị trường để triển khai một số loại hình kinh doanh mới, thu hẹp những lĩnh vực kinh doanh kém hiệu quả; thiết kế sản phẩm - dịch vụ mới; nghiên cứu mở rộng kinh doanh ra ngoài thị trường truyền thống; đẩy mạnh công tác thị trường, xây dựng tính chuyên nghiệp; tăng cường xúc tiến thương mại, quảng bá truyền thông các loại hình dịch vụ của Công ty.

Đối với Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa NASCO

Phát triển mở rộng mạng lưới dịch vụ chuyển phát hàng hóa, liên kết với các đối tác nước ngoài để nối dài dịch vụ vận chuyển hàng hóa quốc tế. Triển khai các thủ tục pháp lý cần thiết để thực hiện đầu tư xây dựng các nhà ga hàng hóa tại khu vực sân bay Quốc tế Nội Bài và Tân Sơn Nhất.

Đối với Công ty Cổ phần Taxi NASCO

Mở rộng kinh doanh dịch vụ Taxi tại nội thành Hà Nội và khu vực lân cận, dịch vụ đưa đón khách VIP.

Tăng cường công tác giám sát chất lượng dịch vụ: Kiểm soát chặt chẽ các khoản mục chi phí lớn (chi phí nguyên, nhiên liệu, vật tư, vốn hàng,...); tiết kiệm triệt để chi phí gián tiếp. Nâng cao công tác quản trị chi phí, thường xuyên rà soát, hoàn thiện các chỉ tiêu định mức kinh tế - kĩ thuật, hệ thống định lượng tại các Nhà hàng; tăng cường thực hành tiết kiệm; thực hiện nghiêm chỉnh các định mức kinh tế - kỹ thuật và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý điều hành; đầu tư thiết bị tiết kiệm năng lượng.

Quản lý chặt chẽ nguồn vốn đầu tư ngoài doanh nghiệp khác, đảm bảo hiệu quả và bảo toàn nguồn vốn.

D BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá về mọi mặt hoạt động của công ty

Đánh giá về tình hình kinh tế vĩ mô, ngành

Nền kinh tế Việt Nam năm 2019 tiếp tục chuyển biến tích cực, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp. Năm 2019 là năm thứ hai liên tiếp Việt Nam đạt và vượt toàn bộ các chỉ tiêu chủ yếu Quốc hội giao, tạo cơ sở vững chắc, tạo đà và động lực mới, khí thế mới cho việc hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra cho năm 2020 và giai đoạn 5 năm 2016 - 2020. Tốc độ tăng trưởng GDP 7,02% đã vượt mục tiêu tăng trưởng năm 2019. Động lực chính của tăng trưởng kinh tế năm nay tiếp tục là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và các ngành dịch vụ thị trường.

Lĩnh vực hỗ trợ vận tải đường hàng không là hoạt động đóng vai trò quan trọng nhất trong chuỗi giá trị ngành hàng không Việt Nam. Vận tải hàng hóa chiếm khoảng 25% giá trị xuất, nhập khẩu nước ta.

Dòng vốn đầu tư rất lớn từ nước ngoài đang chảy vào ngành sản xuất của Việt Nam, trực tiếp thúc đẩy nhu cầu di chuyển trong nước và quốc tế vì mục đích công việc cũng góp phần làm tăng trưởng ngành dịch vụ hàng không nước ta. Bên cạnh đó, chi tiêu du lịch của người Việt Nam tăng trưởng cao, chủ yếu di chuyển bằng đường hàng không cũng là một dấu hiệu cho sự phát triển của ngành dịch vụ hàng không.

Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Thực hiện (triệu đồng)		KH 2019 (đồng)	So với KH	So với 2018
	2018	2019			
Doanh thu	441.138	447.075	474.422	94,24%	101,35%
Lợi nhuận trước thuế	29.020	32.112	31.560	101,75%	110,65%
Lợi nhuận sau thuế	26.317	27.291	28.355	96,25%	103,70%
Cổ tức	25%	32%	28%	114,29%	128,00%

Doanh thu năm 2019 là 447.075 triệu đồng, tăng 101.35% so với năm 2018 do hầu hết các lĩnh vực kinh doanh đều có sự tăng trưởng, một số điểm kinh doanh mới tại nhà ga T1 đi vào hoạt động ổn định và doanh thu từ dự án cho thuê văn phòng làm trung tâm Briefing phục vụ tiếp viên và phi công của VNA tại Nội Bài.

2. Đánh giá về hoạt động của BGĐ

Ban Giám đốc đã nghiêm túc triển khai các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ năm 2019 và các Nghị quyết, Quyết định Hội đồng quản trị ban hành. Trong bối cảnh các chính sách quản lý của Nhà nước còn nhiều bất cập, mức độ cạnh tranh trong môi trường kinh doanh của Công ty ngày càng khốc liệt, Tổng Giám đốc và đội ngũ cán bộ quản lý của Công ty đã luôn nhiệt huyết, nỗ lực làm việc, nhanh nhạy linh hoạt nắm bắt tình hình, nhanh chóng ra quyết định, kịp thời hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch đã được ĐHĐCĐ và Hội đồng quản trị giao phó, đảm bảo cao nhất lợi ích cho khách hàng, các cổ đông và người lao động.

Ban điều hành cũng thường xuyên báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động kinh doanh, đầu tư các dự án, tình hình tài chính..., giúp HĐQT nắm bắt kịp thời tình hình của Công ty chỉ đạo Công ty hoạt động một cách hiệu quả theo kế hoạch đã đề ra.

3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT

Định hướng về đầu tư

Đầu tư cải tạo, mở rộng các điểm kinh doanh của Công ty tại khu vực nhà ga hành khách T1, T2 nhất là các điểm kinh doanh chủ chốt của Công ty. Đầu tư thay thế trang thiết bị, công cụ dụng cụ, phương tiện vận tải phục vụ sản xuất kinh doanh đặc biệt là các phương tiện phục vụ khách trong sân đỗ tàu bay.

* Tiếp tục duy trì hoạt động kinh doanh ở những lĩnh vự có thế mạnh, nhiều kinh nghiệm.
* Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị nâng cao năng lực và chất lượng dịch vụ.
* Tăng cường công tác quản lý hoạt động đầu ra ngoài doanh nghiệp để có hiệu quả cao hơn.
* Tăng cường công tác chỉ đạo và công tác giám sát các hoạt động của Công ty nhất là sản xuất kinh doanh, quản lý chi phí và thực hành tiết kiệm; chất lượng dịch vụ và thường xuyên rà soát, hoàn thiện các chỉ tiêu định mức kinh tế - kỹ thuật.
* Tiếp tục củng cố và hoàn thiện tổ chức của Công ty, áp dụng phương pháp, công cụ quản lý tiên tiến để phù hợp với yêu cầu hoạt động kinh doanh mới.
* Nghiên cứu thị trường để triển khai một số loại hình kinh doanh mới, cơ cấu lại những lĩnh vực kinh doanh kém hiệu quả; tăng cường truyền thông quảng bá các loại hình dịch vụ của Công ty nhằm mở rộng thị phần và nâng cao hiệu quả kinh doanh.
* Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản pháp lý để điều hành và quản lý Công ty, tổ chức giám sát chặt chẽ việc thực hiện các quy chế, quy định, nội quy của Công ty, thực hiện ngiêm chỉnh chế độ thống kê báo cáo.
* Xây dựng phương án huy động các nguồn vốn khác nhau (liên doanh, liên kết, hợp tác kinh doanh,...) để đảm bảo đủ nguồn vốn đầu tư các dự án trọng điểm của công ty.

Chỉ tiêu kế hoạch dự kiến năm 2020

STT	Đơn vị	Chỉ tiêu kế hoạch	Kế hoạch dự kiến 2020
1	Triệu đồng	Vốn điều lệ	83.158
2	Triệu đồng	Tổng doanh thu và thu nhập khác	315.230
3	Triệu đồng	Tổng chi phí	327.396
4	Triệu đồng	Lợi nhuận trước thuế	-12.166
5	Triệu đồng	Lợi nhuận sau thuế	-12.166
6	Triệu đồng	Tỷ suất lợi nhận/VLĐ	0
7	Triệu đồng	Tỷ lệ chia cổ tức/VLĐ	0
8	Triệu đồng	Tổng mức đầu tư trong năm	115.381

E QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

Thành viên HĐQT

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Lê Đức Cảnh	CT HĐQT		
2	Bà Phan Diễm Anh	TV HĐQT		
3	Bà Hà Thị Thu Nga	TV HĐQT		
4	Ông Trần Việt Phương	TV HĐQT		
5	Ông Nguyễn Văn Thắng	TV HĐQT		

Hoạt động của HĐQT trong năm 2019

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Lê Đức Cảnh	Chủ Tịch HĐQT	4	100%
	Ông Vũ Đình Thuỷ	TV HĐQT	1	100%
2	Bà Phan Diễm Anh	TV HĐQT	3	100%
3	Bà Hà Thị Thu Nga	TV HĐQT	3	75%
4	Ông Trần Việt Phương	TV HĐQT	4	100%
5	Ông Nguyễn Văn Thắng	TV HĐQT	4	100%

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị, từng thành viên HĐQT và Ban giám đốc điều hành công ty đã tích cực triển khai các nội dung công việc theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2019, cụ thể như sau:

* Thực hiện việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ công ty và chi trả cổ tức năm 2019 cho các cổ đông và chi thưởng cho Ban điều hành theo phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua.
* Triển khai kế hoạch SXKD năm 2019 được ĐHĐCĐ phê duyệt, xây dựng các giải pháp điều hành để thực hiện trong toàn công ty.
* Triển khai bầu bổ sung thành viên HĐQT và BKS Công ty.

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị đã tiến hành 4 phiên họp tập trung, 2 phiên họp ĐHĐCĐ và 28 phiên họp dưới hình thức lấy phiếu xin ý kiến bằng văn bản theo quy định tại điều 30 - Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tổ chức theo đúng trình tự, các biên bản và Nghị quyết của Hội đồng quản trị đã được triển khai và ban hành theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Trong năm HĐQT đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định để điều hành hoạt động của Công ty.

Hội đồng quản trị đã chấp hành nghiêm chỉnh Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các nội dung trong Nghị quyết của ĐHĐCĐ, đã hoàn thành tốt chức năng nhiệm vụ quản lý, chỉ đạo và giám sát đối với Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong công tác điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các nhệm vụ khác theo quy định.

Các nghị quyết HĐQT ban hành trong năm 2019

STT	Số quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/QĐ-NASCO/HĐQT	02/01/2019	QĐ thôi giữ chức Trưởng phòng CHĐT đối với ông Trần Cao Vân
2	02/QĐ-NASCO/HĐQT	02/01/2019	QĐ thôi giữ chức Trưởng ban Thư ký đối với bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh
3	03/QĐ-NASCO/HĐQT	02/01/2019	QĐ bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh giữ chức Trưởng nhóm NĐD quản lý vốn chuyên trách của NASCO tại Nascologistics
4	04/QĐ-NASCO/HĐQT	02/01/2019	QĐ bổ nhiệm ông Vũ Xuân Mạnh giữ chức Trưởng ban Thư ký công ty
5	08/QĐ-NASCO/HĐQT	02/01/2019	QĐ chuyển xếp khung lương, mức lương mới cho CB thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT
6	22/QĐ-NASCO/HĐQT	12/03/2019	QĐ xếp lương cho ông Vũ Xuân Mạnh - Trưởng ban thư ký
7	23/QĐ-NASCO/HĐQT	12/03/2019	QĐ xếp lương cho bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Trưởng NNĐD tại Nasco logistics
8	28/QĐ-NASCO/HĐQT	19/03/2019	QĐ thành lập Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2019
9	29/QĐ-NASCO/HĐQT	19/03/2019	QĐ thành lập Ban Kiểm tra tư cách cổ đông ĐHĐCĐ thường niên năm 2019
10	37/QĐ-NASCO/HĐQT	29/03/2019	QĐ ban hành và áp dụng các thang lương, bảng lương và phụ cấp lương
11	40-51/QĐ-NASCO/HĐQT	11/04/2019	QĐ chuyển xếp lương cho cán bộ năm 2019
12	64/QĐ-NASCO/HĐQT	17/04/2019	QĐ bổ nhiệm lại ông Ngô Gia Hùng - Trưởng phòng TCHC
13	65/QĐ-NASCO/HĐQT	17/04/2019	QĐ bổ nhiệm lại ông Nguyễn Tuấn Cường - Giám đốc TTTM
14	76/QĐ-NASCO/HĐQT	06/05/2019	QĐ phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án cải tạo 1 phần trụ sở Công ty thành khu Briefing cho PC, TV tại NBA
15	83/QĐ-NASCO/HĐQT	15/05/2019	QĐ bà Trần Thị Lan Hương thôi giữ chức KTT kiêm Trưởng phòng TCKT
16	109/QĐ-NASCO/HĐQT	27/08/2019	QĐ thành lập Ban tổ chức ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2019
17	110/QĐ-NASCO/HĐQT	27/08/2019	QĐ thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông tại ĐHĐCĐ bất thường lần 1
18	114/QĐ-NASCO/HĐQT	05/09/2019	QĐ giải thể chi nhánh Công ty tại Thành phố Hà Nội
19	115/QĐ-NASCO/HĐQT	05/09/2019	QĐ giải thể chi nhánh Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh
20	116/QĐ-NASCO/HĐQT	05/09/2019	QĐ giải thể chi nhánh Công ty tại Thành phố Đà Nẵng
21	117/QĐ-NASCO/HĐQT	05/09/2019	QĐ giải thể chi nhánh Công ty tại Thành phố Hải Phòng
22	118/QĐ-HĐQT/NASCO	05/09/2019	QĐ ban hành Quy chế phân cấp tổ chức, quản lý cán bộ và lao động của Công ty
23	121/QĐ-NASCO/HĐQT	04/09/2019	QĐ phê duyệt DA đầu tư 02 xe sàn thấp chờ khách hạng Y trong sân đỗ tàu bay
24	134/QĐ-NASCO/HĐQT	26/09/2019	QĐ phân công lại nhiệm vụ và đổi tên VPĐĐ thành Văn phòng công ty
25	135/QĐ-NASCO/HĐQT	26/09/2019	QĐ phân công lại nhiệm vụ và đổi tên TCHC thành Phòng TCNL
26	139/QĐ-NASCO/HĐQT	30/09/2019	QĐ kéo dài thời gian giữ chức vụ Phó TGĐ công ty đối với ông Đặng Huy Khôi
27	140/QĐ-NASCO/HĐQT	30/09/2019	QĐ bổ nhiệm lại ông Trần Xuân Cương giữ chức vụ Phó TGĐ Công ty
28	143/QĐ-NASCO/HĐQT	01/10/2019	QĐ điều động và bổ nhiệm bà Lưu Thị Vân giữ chức Trưởng phòng CHĐT
29	150/QĐ-NASCO/HĐQT	30/09/2019	QĐ phê duyệt dự án cải tạo các phòng khách Bông Sen nội địa và quốc tế của Công ty tại Cảng HKQT Nội Bài
30	156/QĐ-NASCO/HĐQT	28/10/2019	QĐ điều động và bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh giữ chức Kế toán trưởng Công ty
31	157/QĐ-NASCO/HĐQT	29/10/2019	QĐ xếp lương cho bà Lưu Thị Vân - Trưởng phòng CHĐT
32	158/QĐ-NASCO/HĐQT	29/10/2019	QĐ xếp lương cho bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - KTT công ty
33	159/QĐ-NASCO/HĐQT	30/10/2019	QĐ ông Nguyễn Cao Quỳnh thôi giữ chức Giám đốc TTDV
34	160/QĐ-NASCO/HĐQT	30/10/2019	QĐ bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh thôi làm Trưởng nhóm NĐD quản lý vốn của NASCO tại Nasco logistics
35	161/QĐ-NASCO/HĐQT	30/10/2019	QĐ cử ông Nguyễn Cao Quỳnh làm NĐD vốn của Công ty NASCO tại Nasco logistics
36	168/QĐ-NASCO/HĐQT	02/12/2019	QĐ phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật XD công trình mở rộng phòng C nội địa ga T1
37	178/QĐ-NASCO/HĐQT	31/12/2019	QĐ khen thưởng đối với tập thể, cá nhân đạt thành tích trong phong trào thi đua năm 2019
38	181/QĐ-NASCO/HĐQT	31/12/2019	QĐ ban hành và áp dụng bảng lương, phụ cấp và khung thu nhập theo chức danh công việc
39	184/QĐ-NASCO/HĐQT	31/12/2019	QĐ phê duyệt Kế hoạch SXKD định hướng năm 2020
40	188/QĐ-NASCO/HĐQT	31/12/2019	QĐ phê duyệt Dự án đầu tư 03 xe ô tô sàn thấp chở khách C-VIP trong sân đỗ

2. Ban kiểm soát

Thành viên BKS

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Bà Nguyễn Thị Thiên Kim	Trưởng BKS		
	Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng BKS		
	Bà Nguyễn Kim Oanh	TV BKS		
	Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	TV BKS		
2	Ông Nguyễn Trường Thi	TV BKS	12	0,0000014%
3	Bà Nghiêm Thị Thúy Tươi	TV BKS	1848	0,02%

Đánh giá hoạt động của BKS

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Nguyễn Thị Thiên Kim	Trưởng BKS	1	100%
	Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng BKS	3	100%
	Bà Nguyễn Kim Oanh	TV BKS	1	100%
	Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	TV BKS	2	100%
2	Ông Nguyễn Trường Thi	TV BKS	1	100%
3	Bà Nghiêm Thị Thúy Tươi	TV BKS	4	100%

Trong năm 2019, BKS đã thực hiện các hoạt động như sau:

Các thành viên BKS đã chủ động thay mặt cổ đông kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh, công tác quản trị điều hành của Công ty trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành, điều lệ Công ty và các yêu cầu của cổ đông, tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT (4 phiên trực tiếp), 2 phiên họp ĐHCĐ, đóng góp tại các cuộc họp cũng như các phiên họp thông qua hình thức xin ý kiến bằng văn bản (28 lần) theo quy định tại Điều 30 - Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Thực hiện việc giám sát nội dung, phạm vi, tiến độ và chất lượng kiểm toán BCTC năm 2019 của NASCO theo hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán đã được ký kết với Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY.

Thực hiện thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

Thực hiện kiểm tra theo kế hoạch của BKS năm 2019.

Thực hiện tổng kết hoạt động của BKS 2019 và Xây dựng chương tình hành động năm 2020 và phân công cho các thành viên BKS để thực hiện nhiệm vụ một cách tốt nhất.

Đối với HĐQT, TGĐ và các bộ phận quản lý, BKS đã duy trì mối quan hệ công tác, phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, của cổ đông và tuân thủ theo các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy chế nội bộ. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ HĐQT, Ban Giám đốc và các bộ phận chức năng luôn tạo điều kiện và phối hợp tốt với BKS.

3. Giao dịch và thù lao

Thù lao của HĐQT

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao (VNĐ)/năm
1	Ông Lê Đức Cảnh	CT HĐQT	129.600.000
	Ông Vũ Đình Thuỷ	TV HĐQT	33.600.000
2	Bà Phan Diễm Anh	TV HĐQT	67.200.000
3	Bà Hà Thị Thu Nga	TV HĐQT	100.800.000
4	Ông Trần Việt Phương	TV HĐQT	100.800.000
5	Ông Nguyễn Văn Thắng	TV HĐQT	100.800.000
	Tổng Cộng		**532.800.000**

Thù lao của BKS

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao (VNĐ)
	Bà Nguyễn Thị Thiên Kim	Trưởng BKS	33.600.000
1	Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng BKS	67.200.000
	Bà Nguyễn Kim Oanh	TV BKS	28.560.000
	Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	TV BKS	28.560.000
2	Ông Nguyễn Trường Thi	TV BKS	28.560.000
3	Bà Nghiêm Thị Thúy Tươi	TV BKS	85.680.000
	Tổng Cộng		**272.160.000**

4. Tăng cường quản trị công ty

Năm 2019, Công ty luôn tuân thủ quy định về quản trị Công ty theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản Luật và hướng dẫn thi hành khác có liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành Công ty. Trong những năm tới, Công ty dự định sẽ phân công nhân sự chuyên trách về công tác quản trị, nhằm tăng cường công tác quản trị trong Công ty, đảm bảo việc cập nhật thông tin kịp thời, đầy đủ, thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với Hội đồng Quản trị Công ty

Chỉ đạo thực hiện các giải pháp điều hành đảm bảo hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2020, tập trung quản trị dòng tiền, đảm bảo cân đối vốn khi thực hiện các dự án đầu tư và hoạt động kinh doanh được ổn định.

Chỉ đạo người đại diện tại hai Công ty NASCO Logistic và Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ hàng không. Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động SXKD, giám sát chặt chẽ hoạt động tài chính, hoạt động kinh doanh của NASCO Logistic nhằm mang lại hiệu quả trong năm 2020.

Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc thực hiện nghiêm các kiến nghị của Ban Kiểm soát, kiểm toán độc lập.

Đối với Ban Tổng Giám đốc

Kiểm tra chặt chẽ các khoản vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp, đảm bảo an toàn và hiệu quả.

Thực hiện các giải pháp điều hành SXKD, quản trị nguồn nhân lực, thực hiện các dự án đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và có hiệu quả.

F PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Những tác động liên quan đến môi trường

Tiết kiệm năng lượng

Công ty sử dụng điện năng cho quá trình hoạt động kinh doanh với mức hơn 112 nghìn KW/năm chủ yếu cho hoạt động tại trụ sở Công ty, phục vụ tại các điểm kinh doanh tại nhà Ga T1, T2 và một số vị trí khác. Tại các địa điểm kinh doanh và văn phòng của Công ty đều được sử dụng các bóng đèn và trang thiết bị tiết kiệm điện theo tiêu chuẩn, điều hòa nhiệt độ đáp ứng tiêu chuẩn về phát thải khí nhà kính hiện nay và thực hiện thay mới khi các thiết bị hết hạn sử dụng. Do đó, mức độ ảnh hưởng đến môi trường và xã hội rất thấp.

Do Công ty có hoạt động dịch vụ vận chuyển hành khách, do đó nhu cầu sử dụng xăng, dầu ủa Công ty là khá lớn với mức khoảng ....nghìn lít xăng dầu trong năm. Công ty luôn đảm bảo tiêu chuẩn khí thải tại các phương tiện vận tải mà Công ty sử dụng để vận chuyển khách, thường xuyên bảo dưỡng, kiểm định các phương tiện nằm tối thiểu ảnh hưởng của khí thải đến môi trường, các phương tiện mua mới đều đạt được các quy định về khí thải theo tiêu chuẩn quốc tế.

Tiêu thụ nước

Công ty sử dụng nước dùng cho các hoạt động tại trụ sở Công ty, các phòng khách hạng thương gia và cửa hang thương mại, ăn uống giải khác tại Cảng hàng không Nội Bài khoảng 27,5 nghìn m3/năm. Nước thải được xử lý theo quy định, không thải ra môi trường khi chưa được xử lý. Bên cạnh đó, việc cung cấp nước uống cho cán bộ, công nhân viên cũng được Công ty quan tâm và chú trọng. Phòng Tổ chức - Hành chính Công ty luôn có trách nhiệm thường xuyên nhắc nhở cán bộ, công nhân viên tiết kiệm nước sinh hoạt và nước uống. Do đó, mức độ ảnh hưởng đến môi trường và xã hội rất thấp.

Tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường:

Việc tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường là rất cần thiết. Công ty đã triển khai nhiều biện pháp khác nhau. Cụ thể như:

Tuyên truyền đến cán bộ công nhân viên giữ gìn vệ sinh nơi làm việc và cảnh quan Công ty (sắp xếp hồ sơ, tài liệu gọn gàng, bỏ rác đúng chỗ, hút thuốc lá đúng nơi quy định,...) giữ gìn cảnh quan chung của Công ty, tham gia bảo vệ môi trường tại địa phương.

Bố trí văn phòng làm việc, ngăn nắp, hợp lý, nhiều ánh sang tự nhiên góp phần giảm năng lượng tiêu thụ điện năng.

Trụ sở Công ty có diện tích rộng, do đó, Công ty đã và đang trồng thêm cây xanh quah tru sở, góp phần làm cho môi trường ngày càng thân thiện với môi trường.

Sử dụng tiết kiệm, hợp lí nguồn nguyên liệu, tăng cường tái chế và sử dụng vật liệu có thể tái chế.

Ký hợp đồng các đơn vị có chức năng xử lý rác thải, chất thải để xử lý các chất thải và rác thải của Công ty trong quá trình hoạt động để đảm bảo vệ sinh, hạn chế ô nhiễm môi trường.

2. Những tác động liên quan đến cộng đồng

Các chính sách liên quan đến người lao động:

Điều kiện lao động: Những người lao động do yêu cầu công việc phải đi công tác xa sẽ được hưởng phụ cấp công tác phí và được thanh toán các khoản phí đi lại, ăn ở theo quy định của pháp luật. Cơ sở vật chất hiện có của Công ty tiện nghi, hiện đại, môi trường tích cực, sôi nổi.

Chế độ làm việc: Người lao động làm việc không quá 8 tiếng trong 1 ngày, không quá 48 giờ trong 1 tuần. Theo yêu cầu nhiệm vụ, người sử dụng lao động có quyền bố trí giờ làm việc theo ca kíp hoặc giờ hành chính tùy thuộc tình hình thực tế của từng đơn vị trong Công ty và bố trí nghỉ hàng tuần vào các ngày trong tuần.

Thời giờ làm việc cụ thể: Giờ hành chính áp dụng đối với người lao động làm các công việc gián tiếp (từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần): Sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 45 phút; Chiều từ 13 giờ đến 16 giờ. Giờ ca, kíp áp dụng đối với người lao động làm việc ở các bộ phận trực tiếp kinh doanh, bổ trợ phục vụ theo chế độ ca làm việc theo ngày tùy theo đặc điểm, tính chất và yêu cầu công việc cụ thể. Đối với những người làm các ông việc đặc thù thì không áp dụng thời gian quy định trên đây: Lái xe, tạp vụ, bảo vệ, nhân viên giao nhận hàng hóa bằng đường hàng không, thủ kho, nhân viên mua hàng,.... thì thời gian làm việc được thực hiện theo sự phân công của cán bộ quản lý trực tiếp trên cơ sở định mức lao động đã được người sử dụng quyết định. Người lao động có thai từ tháng thứ 7 hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi không phải làm ca đêm hoặc đi công tác xa khỏi đơn vị từ 02 ngày trở lên với bán kính trên 50km

Trách nhiệm với địa phương:

Công ty thường xuyên thực hiện các hoạt động từ thiện đối với các cá nhân là thương binh, thân nhân gia đình thương binh, liệt sỹ, người có công với đất nước, có hoàn cảnh khó khăn và các tổ chức từ thiện tại địa phương nơi Công ty trú đóng.

G BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ KIỂM TOÁN 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI
Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Hà Nội

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 44

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI
Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài (sau đây được gọi là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Đức Cảnh	Chủ tịch	
Ông Trần Việt Phương	Thành viên	
Bà Hà Thị Thu Nga	Thành viên	
Ông Vũ Đình Thủy	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/04/2019
Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên	
Bà Phan Diễn Anh	Thành viên	Thành viên từ ngày 26/04/2019

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thiên Kim	Trưởng Ban	Miễn nhiệm ngày 10/05/2019
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng Ban	Bổ nhiệm ngày 10/05/2019
Bà Nghiêm Thị Thúy Tươi	Thành viên	
Bà Trần Kim Oanh	Thành viên	
Ông Nguyễn Trường Thi	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 04/10/2019
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 04/10/2019

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Trần Việt Phương	Tổng Giám đốc	
Ông Đặng Huy Khôi	Phó Tổng giám đốc	
Ông Trần Xuân Cương	Phó Tổng giám đốc	
Bà Trần Thị Lan Hương	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 15/05/2019
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 28/10/2019
Bà Phí Thị Hồng Nhung	Phụ trách kế toán	Từ ngày 15/05/2019 đến ngày 28/10/2019

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI
Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
  Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2016; Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về Quản trị công ty áp dụng đối với Công ty Đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc

Trần Việt Phương
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2020

UHY CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Số: 64 /2020/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

V/v: Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 28/02/2020, từ trang 06 đến trang 44 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các Quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Trụ sở: Tầng 5, Tháp B2
Tòa nhà Roman Plaza, Đường Tố Hữu, Phường Đại Mỗ,
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Điện thoại: 84 24 5678 3999 Fax: 84 24 5678 3999
www.uhy.vn
Thành viên độc lập của Hãng UHY Quốc Tế

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
MSDN: 0102021862
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Thị Phương Thảo
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0933-2018-112-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2020

Nguyễn Thị Thu Hà
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2277-2018-112-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI
Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh,
Huyện Sóc Sơn, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**208.631.204.358**	**174.962.739.820**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	4	**68.686.407.836**	**64.869.752.653**
Tiền	111		41.613.207.836	24.869.752.653
Các khoản tương đương tiền	112		27.073.200.000	40.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**16.000.000.000**	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		16.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**83.442.817.254**	**64.840.286.221**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	55.806.571.570	49.789.037.193
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	16.860.705.196	9.782.680.807
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	10.775.540.488	5.268.568.221
Hàng tồn kho	**140**	8	**37.316.942.031**	**42.161.697.356**
Hàng tồn kho	141		37.316.942.031	42.161.697.356
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**3.185.037.237**	**3.091.003.590**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	1.986.791.766	2.437.996.271
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.198.245.471	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	-	653.007.319
TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**221.861.951.521**	**201.853.275.419**
Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**1.937.617.641**	**1.839.617.641**
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5	1.412.487.563	1.412.487.563
Phải thu dài hạn khác	216	7	1.095.846.078	997.846.078
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(570.716.000)	(570.716.000)
Tài sản cố định	**220**		**101.940.651.145**	**98.463.371.545**
Tài sản cố định hữu hình	221	10	98.916.677.388	95.949.976.486
- Nguyên giá	*222*		*240.053.675.893*	*217.493.882.529*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(141.136.998.505)*	*(121.543.906.043)*
Tài sản cố định vô hình	227	11	3.023.973.757	2.513.395.059
- Nguyên giá	*228*		*8.659.252.288*	*6.823.638.232*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(5.635.278.531)*	*(4.310.243.173)*
Bất động sản đầu tư	**230**	12	**14.104.160.092**	-
- Nguyên giá	231		14.243.961.941	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế	232		(139.801.849)	-
Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**1.712.737.106**	**488.748.600**
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	1.712.737.106	488.748.600
Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**14**	**97.364.023.637**	**97.363.349.189**
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		669.333.637	668.659.189
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		96.694.690.000	96.694.690.000
Tài sản dài hạn khác	**260**		**4.802.761.900**	**3.698.188.444**
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	4.447.512.725	3.698.188.444
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	32	355.249.175	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**430.493.155.879**	**376.816.015.239**

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI
Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh,
Huyện Sóc Sơn, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**210.627.032.388**	**171.703.585.104**
Nợ ngắn hạn	**310**		**143.259.185.968**	**134.125.089.055**
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	62.909.264.381	74.258.619.876
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.466.137.165	111.381.692
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	2.237.718.223	2.252.691.450
Phải trả người lao động	314		31.037.731.747	25.424.038.042
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	2.657.857.473	3.275.221.143
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		12.925.439.721	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	8.980.609.831	5.342.257.537
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	15.850.192.840	16.915.841.479
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.194.234.587	6.545.037.836
Nợ dài hạn	**330**		**67.367.846.420**	**37.578.496.049**
Phải trả dài hạn khác	337	18	3.110.065.167	1.987.325.167
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	64.135.647.981	35.283.848.399
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	32	122.133.272	307.322.483
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**219.866.123.491**	**205.112.430.135**
Vốn chủ sở hữu	**410**	20	**219.866.123.491**	**205.112.430.135**
Vốn góp của chủ sở hữu	411		83.157.640.000	83.157.640.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*83.157.640.000*	*83.157.640.000*
Cổ phiếu quỹ	415		(2.820.000)	(2.820.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		33.053.684.206	33.053.684.206
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.969.213.452	3.969.213.452
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		36.232.177.301	28.273.710.174
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*4.541.933.339*	*1.441.350.968*
- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*31.690.243.962*	*26.832.359.206*
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		63.456.228.532	56.661.002.303
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**430.493.155.879**	**376.816.015.239**

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Bùi Thị Hảo	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Trần Việt Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI
Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh,
Huyện Sóc Sơn, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**22**	**595.776.777.339**	**573.828.369.041**
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	353.306.449	737.075.014
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**595.423.470.890**	**573.091.294.027**
Giá vốn hàng bán	11	24	315.381.122.535	314.154.424.165
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**280.042.348.355**	**258.936.869.862**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	22.981.662.344	18.869.887.206
Chi phí tài chính	22	26	5.229.000.603	7.859.368.500
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*4.961.797.988*	*6.035.657.554*
Lãi, Lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24		674.448	(217.595.915)
Chi phí bán hàng	25	27	198.060.226.457	182.113.076.931
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	57.319.418.206	57.856.057.139
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**42.416.039.881**	**29.760.658.583**
Thu nhập khác	31	29	889.531.861	274.636.625
Chi phí khác	32	30	539.872.205	597.897.434
Lợi nhuận khác	**40**		**349.659.656**	**(323.260.809)**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**42.765.699.537**	**29.437.397.774**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	4.820.667.731	2.703.466.704
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(540.438.385)	271.348.708
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**38.485.470.191**	**26.462.582.362**
Lợi nhuận sau thuế của Công ty Mẹ	61		31.690.243.962	26.832.359.206
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		6.795.226.229	(369.776.844)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**34**	**3.811**	**2.873**

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Bùi Thị Hảo	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Trần Việt Phương

Các Thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	**01**		**42.765.699.537**	**29.437.397.774**
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ	02		23.338.546.680	22.049.486.513
Lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		254.135.607	76.014.017
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(22.604.204.409)	(17.670.342.379)
Chi phí lãi vay	06		4.961.797.988	6.035.657.554
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		***48.715.975.403***	***39.928.213.479***
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		(19.306.910.125)	(450.526.633)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		4.844.755.325	1.994.477.846
(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		8.652.425.435	2.551.916.340
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		(298.119.776)	(1.457.917.877)
Tiền lãi vay đã trả	14		(5.245.954.768)	(6.036.038.304)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.537.088.316)	(3.843.446.772)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.763.875.083)	(3.205.665.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		***31.061.208.095***	***29.481.012.979***
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(42.450.055.261)	(19.030.410.178)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.884.605.585	313.727.273
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		(16.000.000.000)	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận	27		21.979.582.911	17.553.392.254
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		***(34.585.866.765)***	***(1.163.290.651)***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		48.738.581.440	31.884.414.690
Tiền trả nợ gốc vay	34		(20.952.468.541)	(27.748.711.410)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(20.441.227.785)	(19.290.410.536)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***7.344.885.114***	***(15.154.707.256)***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**3.820.226.444**	**13.163.015.072**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**4**	**64.869.752.653**	**51.702.926.574**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(3.571.261)	3.811.007
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**4**	**68.686.407.836**	**64.869.752.653**

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Bùi Thị Hảo	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Trần Việt Phương

Các Thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài, tên viết tắt là NASCO (sau đây gọi tắt là "Công ty"), trước đây là Công ty Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài, doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam. Công ty Dịch vụ Hàng không Nội Bài được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài theo Quyết định số 3978/QG-BGTVT ngày 21/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Từ khi chuyển đổi, Công ty đã thực hiện điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 11 lần, lần gần đây nhất vào ngày 14/09/2018.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 11 ngày 14/09/2018, Công ty có vốn điều lệ là 83.157.640.000 VND, tương đương 8.315.764 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần, trong đó, Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP sở hữu 51%.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Ngày 16/01/2017, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành Quyết định số 36/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Tên chứng khoán: Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài;
- Mã chứng khoán: NAS;
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu (Mười nghìn đồng);
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông;
- Số lượng cổ phiếu đăng ký: 8.315.764 cổ phiếu (Tám triệu ba trăm mười lăm nghìn bảy trăm sáu mươi tư cổ phiếu);
- Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký: 83.157.640.000 đồng (Tám mươi ba tỷ, một trăm năm mươi bảy triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng);

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Sản xuất kinh doanh thương mại, dịch vụ.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không. Chi tiết bao gồm: Vận chuyển hành khách, hàng hóa trong sân đỗ máy bay; Dịch vụ vận tải mặt đất; Dịch vụ vận chuyển hàng hóa; Kinh doanh các dịch vụ phục vụ khách đi máy bay của các hãng hàng không trong nước và quốc tế; Dịch vụ làm thủ tục hàng không tại thành phố; Kinh doanh hàng miễn thuế phục vụ khách xuất, nhập cảnh; Dịch vụ lắp đặt trang thiết bị phục vụ mặt đất ngành hàng không; Khai thác dịch vụ kỹ thuật thương mại hàng không;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết bao gồm: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết bao gồm: Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ dầu hỏa, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hành khách bằng đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết là vận tải hành khách bằng taxi;
- Bốc xếp hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường là trong vòng 12 tháng.

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán và hoàn toàn có thể so sánh được.

1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Tại ngày 31/12/2019, Công ty có các công ty con, liên doanh, liên kết như sau:

Tên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tệ lệ vốn thực góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty con					
Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa Nasco	Sân bay Quốc tế Nội Bài, Phú Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	Vận chuyển hàng hóa	49,12%	51%	49,12%
Công ty liên doanh, liên kết					
Công ty Cổ phần Taxi Nasco	Sân bay Quốc tế Nội Bài, Phú Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	Vận tải hành khách	16%	36%	16%

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài tại TP Hồ Chí Minh;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài tại Đà Nẵng;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài tại Hà Nội; và
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài tại Hải Phòng.

1.7 NHÂN VIÊN

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty mẹ và Công ty con có 876 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 886 nhân viên).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

2.3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty do Công ty kiểm soát (Công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này. Các giao dịch và số dư giữa công ty mẹ và công ty con được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Danh sách Công ty con được hợp nhất vào Báo cáo tài chính bao gồm:

Đơn vị	Vốn điều lệ (VND)	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp thực	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa NASCO	117.500.000.000	51%	49,12%	49,12%

2.4 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính và Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI
Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh,
Huyện Sóc Sơn, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, VÀ THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết, đầu tư khác

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI (TIẾP)

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi đượci trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho là nguyên vật liệu, hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá thực tế đích danh đối với hàng kinh doanh miễn thuế và bình quân gia quyền tháng đối với hàng tồn kho khác và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

3.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn tùy theo kỳ hạn gốc. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn hơn 7 triệu đồng được phân bổ trong 2-3 năm;
- Chi phí trả trước khác phân bổ theo thời hạn trên từng thời hạn Hợp đồng.

Đối với công cụ, dụng cụ có giá trị dưới 7 triệu đồng được ghi nhận toàn bộ vào chi phí trong năm khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI
Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh,
Huyện Sóc Sơn, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản	*Thời gian sử dụng (năm)*
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
- Máy móc, thiết bị	03 - 10
- Phương tiện vận tải	04 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
- TSCĐ khác	04 - 06

3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Các tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Phần mềm bán hàng và phần mềm kế toán

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và trích khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích (từ 4 đến 5 năm).

3.10 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản (BĐS) đầu tư được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của BĐS đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà doanh nghiệp bỏ ra để có được BĐS đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới BĐS đầu tư được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá BĐS đầu tư; Các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.10 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (TIẾP)

Khấu hao BĐS đầu tư được tính theo phương pháp đường thẳng được ghi nhận vào chi phí kinh doanh trong năm. Thời gian hữu dụng ước tính trong vòng từ 15 đến 20 năm.

3.11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

3.12 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

3.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI
Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh,
Huyện Sóc Sơn, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ tại ngày 31/12/2019.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi Công ty quyết định hoặc thông báo trả cổ tức cho các cổ đông.

3.14 GHI NHẬN DOANH THU VÀ THU NHẬP

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp các giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.15 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.16 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán và lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm.

3.17 NGOẠI TỆ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
  - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI
Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh,
Huyện Sóc Sơn, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.18 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

3.19 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Việc xác định thuế TNDN của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.19 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TIẾP)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.20 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

3.21 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo đơn vị kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác.

Công ty có các bộ phận quản lý theo lĩnh vực kinh doanh.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền mặt	751.068.033	1.294.570.808
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	40.862.139.803	23.575.181.845
Các khoản tương đương tiền (*)	27.073.200.000	40.000.000.000
	68.686.407.836	**64.869.752.653**

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Nội Bài và Ngân hàng TMCP Quân đội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	**55.806.571.570**	**49.789.037.193**
Trong đó, Phải thu từ các bên liên quan	***20.981.015.197***	***21.366.188.602***
+ Trung tâm Khai thác Nội Bài - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	19.621.722.268	19.424.948.793
+ Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam - Chi nhánh Nội Bài	666.033.322	771.090.217
+ Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài	455.181.112	617.292.710
+ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	113.754.300	252.972.850
+ Chi nhánh TCT Hàng không Việt Nam - CTCP khu vực miền Bắc	52.340.037	31.388.097
+ Trung tâm Bông Sen Vàng - CN Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	544.500	-
+ Công ty Cổ phần Hàng không Jetstar Pacific Airlines	1.760.000	26.587.680
+ Chi nhánh Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam khu vực Miền Bắc	-	57.835.192
+ Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - Công ty Bay dịch vụ Hàng không	69.679.658	184.073.063
Phải thu ngắn hạn của bên thứ 3	***34.825.556.373***	***28.422.848.591***
+ Công ty CP Hàng không Vietjet	110.616.000	220.000.000
+ Công ty TNHH Nhà hàng Món Huế	3.300.217.302	2.665.611.718
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	1.216.752.261	984.873.349
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Truyền thông số	1.020.260.000	1.064.745.002
+ Hãng Hàng không Lào	359.896.795	314.297.095
+ Hãng Hàng không Silk Air	-	242.994.950
+ Văn phòng bán vé Hãng Hàng không Singapore	1.101.437.040	933.862.050
+ Hàng không Malaysia	289.483.810	209.031.350
+ Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Đại Sơn	1.274.550.532	710.416.523
+ Công ty TNHH Hanaro TNS Việt Nam	1.334.088.000	1.521.340.000
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ sân bay Quốc tế Cam Ranh	311.697.454	324.894.676
+ Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam	1.822.819.947	1.695.185.186
+ Công ty Cổ phần Giao hàng Tiết kiệm	-	297.244.112
+ Các khách hàng khác	22.683.737.232	17.238.352.580
Phải thu dài hạn của khách hàng	**1.412.487.563**	**1.412.487.563**
+ Công ty Cổ phần Hàng không Indochina (*)	570.716.000	570.716.000
+ Các khách hàng khác	841.771.563	841.771.563
Cộng	**57.219.059.133**	**51.201.524.756**

(*) Khoản phải thu dài hạn của Công ty Cổ phần Hàng không Indochina đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tỷ lệ 100%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Trả trước cho bên thứ ba	**16.860.705.196**	**9.782.680.807**
Công ty CP Xuất nhập khẩu Miền Bắc	10.776.000.000	-
Công ty TNHH MTV Sách báo văn hóa phẩm	335.813.100	335.813.100
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Quốc	227.439.626	227.439.626
Công ty TNHH Ứng dụng thiết bị công nghệ mới	320.000.000	320.000.000
COBUS INDUSTRIES GMBH	-	5.294.800.000
Các đối tượng khác	5.201.452.470	3.604.628.081
	16.860.705.196	**9.782.680.807**

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn				
- Tạm ứng	1.598.572.153	-	2.336.733.039	-
- Ký cược, ký quỹ	627.333.000	-	615.083.000	-
- Phải thu khác	8.549.635.335	-	2.316.752.182	-
+ Tạm tính lãi tiền gửi	*390.027.597*	-	*318.520.548*	-
+ Tổng công ty Hàng Không Việt nam - CTCP	*3.702.132*	-	-	-
+ Công ty CP Nhà hàng Món Huế (lương phải thu theo Hợp đồng hợp tác)	*717.659.735*	-	-	
+ Phải thu khác	*7.438.245.871*	-	1.998.231.634	-
Cộng	**10.775.540.488**	-	**5.268.568.221**	-
Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	1.095.846.078	-	997.846.078	-
Cộng	**1.095.846.078**	-	**997.846.078**	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.588.528.854	-	2.574.381.015	-
Công cụ, dụng cụ	499.963.317	-	502.078.757	-
Hàng hóa	32.358.859.526	-	36.295.564.196	-
Hàng gửi bán	1.869.590.334	-	2.789.673.388	-
	37.316.942.031	-	**42.161.697.356**	-

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại ngày 01/01/2019 VND	Tăng trong năm VND	Phân bổ trong năm VND	Tại ngày 31/12/2019 VND
Ngắn hạn	**2.437.996.271**	**10.225.248.538**	**10.676.453.043**	**1.986.791.766**
- Chi phí thuê mặt bằng	636.278.360	3.989.124.317	3.892.803.264	732.599.413
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	969.562.189	296.949.458	802.872.256	463.639.391
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	832.155.722	5.939.174.763	5.980.777.523	790.552.962
Dài hạn	**3.698.188.444**	**5.313.574.247**	**4.564.249.966**	**4.447.512.725**
- Thiết bị, CCDC chờ phân bổ	2.954.402.204	5.212.957.883	4.005.139.160	4.162.220.927
- Chi phí trả trước dài hạn khác	743.786.240	100.616.364	559.110.806	285.291.798
Cộng	**6.136.184.715**	**15.538.822.785**	**15.240.703.009**	**6.434.304.491**

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI
Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2019	**94.318.380.528**	**18.192.722.707**	**1.051.026.145**	**17.214.308.831**	**86.717.444.318**	**217.493.882.529**
- Mua trong năm	-	2.460.513.760	150.360.000	369.770.043	86.000.000	3.066.643.803
- Đầu tư XDCB hoàn thành	186.546.232	-	-	-	22.904.926.682	23.091.472.914
- Thanh lý, nhượng bán	(1.738.581.218)	(66.133.008)	-	-	(1.793.609.127)	(3.598.323.353)
- Phân loại lại		7.476.169.001	954.375.874		(8.430.544.875)	-
31/12/2019	**92.766.345.542**	**28.063.272.460**	**2.155.762.019**	**17.584.078.874**	**99.484.216.998**	**240.053.675.893**
HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2019	**35.994.995.730**	**18.762.957.674**	**970.773.695**	**5.078.983.635**	**60.736.195.310**	**121.543.906.043**
- Khấu hao trong năm	9.581.027.049	2.513.111.107	355.521.812	787.990.918	8.636.058.587	21.873.709.473
- Thanh lý, nhượng bán	(420.874.876)	(66.133.008)	-	-	(1.793.609.127)	(2.280.617.011)
- Phân loại lại	-	757.005.097	(156.846)		(756.848.251)	-
31/12/2019	**45.155.147.903**	**21.966.940.870**	**1.326.138.661**	**5.866.974.553**	**66.821.796.519**	**141.136.998.505**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2019	**58.323.384.799**	**(570.234.967)**	**80.252.450**	**12.135.325.196**	**25.981.249.008**	**95.949.976.486**
31/12/2019	**47.611.197.640**	**6.096.331.590**	**829.623.358**	**11.717.104.321**	**32.662.420.479**	**98.916.677.388**

Tại ngày 31/12/2019, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 57.130.297.824 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI
Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh,
Huyện Sóc Sơn, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2019	**6.823.638.232**	**-**	**6.823.638.232**
- Mua trong năm	1.653.795.874	181.818.182	1.835.614.056
31/12/2019	**8.477.434.106**	**181.818.182**	**8.659.252.288**
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
01/01/2019	**4.310.243.173**	**-**	**4.310.243.173**
- Khấu hao trong năm	1.319.681.823	5.353.535	1.325.035.358
31/12/2019	**5.629.924.996**	**5.353.535**	**5.635.278.531**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2019	**2.513.395.059**	**-**	**2.513.395.059**
31/12/2019	**2.847.509.110**	**176.464.647**	**3.023.973.757**

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà - Trụ sở công ty Khu Briefing	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2019	**-**	**-**
- Mua trong năm	14.243.961.941	14.243.961.941
- Giảm khác	-	-
31/12/2019	**14.243.961.941**	**14.243.961.941**
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2019	**-**	**-**
- Khấu hao trong năm	139.801.849	139.801.849
31/12/2019	**139.801.849**	**139.801.849**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2019	**-**	**-**
31/12/2019	**14.104.160.092**	**14.104.160.092**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Mua sắm TSCĐ	43.693.821	43.693.821		-
Xây dựng cơ bản dở dang	1.669.043.285	1.669.043.285	488.748.600	488.748.600
+ Khu Briefing	*905.497.832*	*905.497.832*	-	-
+ Phòng C ga T1 và T2	*763.545.453*	*763.545.453*	*112.172.726*	*112.172.726*
+ Phần mềm quản lý kinh doanh chuyển phát nhanh hàng hóa - Nasco Express	-	-	*376.575.874*	*376.575.874*
Cộng	**1.712.737.106**	**1.712.737.106**	**488.748.600**	**488.748.600**

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết	**669.333.637**		**668.659.189**	
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hàng không Việt Nam (1)	669.333.637	(*)	668.659.189	(*)
Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	**96.694.690.000**	**132.504.552.500**	**96.694.690.000**	**130.859.668.400**
Công ty CP Nhà ga Quốc tế Cam Ranh (2)	90.000.000.000	(*)	90.000.000.000	(*)
Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Nội Bài (NCTS) (**)	6.694.690.000	132.504.552.500	6.694.690.000	130.859.668.400
	97.364.023.637	**132.504.552.500**	**97.363.349.189**	**130.859.668.400**

(*) Đối với các khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ hàng không Việt Nam và Công ty CP Nhà ga Quốc tế Cam Ranh, Công ty không xác định được giá trị hợp lý do không có giá giao dịch.

(**) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài được xác định theo giá đóng cửa của chứng khoán này tại sàn HOSE tại ngày 31/12/2019 và tại ngày 29/12/2018.

(1) Công ty đầu tư vào Công ty liên kết chiếm tỷ lệ quyền biểu quyết 36% tương đương với số tiền: 3.780.000.000 VND (trong đó cam kết góp vốn bằng tài sản là 1.280.000.000 VND và tài sản khác (thương hiệu) là 2.500.000.000 VND) tỷ lệ vốn thực góp tại 31/12/2019 là 16%.

(2) Đây là khoản đầu tư góp vốn của Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa Nasco vào Công ty CP Nhà ga Quốc tế Cam Ranh chiếm tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết là 15%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả bên liên quan	**2.937.688.869**	**2.937.688.869**	**2.698.365.868**	**2.698.365.868**
+ Công ty Cổ phần In Hàng không	-	-	92.400.000	92.400.000
+ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	442.890.600	442.890.600	1.367.332.412	1.367.332.412
+ Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài	217.850.502	217.850.502	-	-
+ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - CN Khu vực miền Trung	-	-	99.381.695	99.381.695
+ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - CN Khu vực miền Bắc	1.589.550.631	1.589.550.631	698.516.306	698.516.306
+ Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	142.810.702	142.810.702	98.452.480	98.452.480
+ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP Khu vực miền Trung	7.620.941	7.620.941	-	-
+ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP Khu vực miền Nam	514.935.369	514.935.369	424.112.324	424.112.324
+ Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	12.831.924	12.831.924	10.016.466	10.016.466
+ Công ty TNHH MTV DV Mặt đất sân bay Việt Nam - CN Nội Bài	9.198.200	9.198.200	7.535.880	7.535.880
Phải trả người bán bên thứ ba	**59.971.575.512**	**59.971.575.512**	**71.560.254.008**	**71.560.254.008**
+ Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài - CN Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	241.187.407	241.187.407	786.213.758	786.213.758
+ Công ty TNHH EDF Việt Nam	17.392.222.689	17.392.222.689	23.753.008.763	23.753.008.763
+ Công ty TNHH DFS Việt Nam	17.961.586.014	17.961.586.014	22.769.399.019	22.769.399.019
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phú Đức	1.757.121.890	1.757.121.890	1.352.557.775	1.352.557.775
+ Chi nhánh Đồng Hà Nội - Công ty CP xăng dầu Dầu khí Hà Nội	739.336.340	739.336.340	721.849.572	721.849.572
+ Công ty CP Thương mại Dịch vụ chế biến nông sản thực phẩm Việt Nam	-	-	1.443.278.303	1.443.278.303
+ Công ty CP đầu tư và xây dựng VNCO	2.136.204.761	2.136.204.761	-	-
+ Công ty TNHH Đầu tư thương mại và dịch vụ Đồng Xanh	759.703.140	759.703.140	-	-
+ Công ty CP Kiến trúc và xây dựng Vinalight	293.084.138	293.084.138	1.893.084.138	1.893.084.138
+ Phải trả cho các đối tượng khác	18.691.129.133	18.691.129.133	18.840.862.680	18.840.862.680
	62.909.264.381	**62.909.264.381**	**74.258.619.876**	**74.258.619.876**

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI
Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp	**2.252.691.450**	**23.460.193.944**	**22.822.159.852**	**2.237.718.223**
- Thuế giá trị gia tăng	1.973.967.414	15.448.009.947	17.093.133.565	328.843.796
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	880.931.090	880.931.090	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.820.667.731	2.537.088.316	1.630.572.096
- Thuế thu nhập cá nhân	278.724.036	1.977.131.976	1.977.553.681	278.302.331
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	308.288.059	308.288.059	-
- Các loại thuế khác	-	25.165.141	25.165.141	-

	01/01/2019	Số phải thu/được khấu trừ trong năm	Số đã thực thu/ khấu trừ trong năm	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu	**653.007.319**	**1.198.245.471**	**653.007.319**	**1.198.245.471**
- Thuế giá trị gia tăng	-	1.198.245.471	-	1.198.245.471
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	653.007.319	-	653.007.319	-
	653.007.319	**23.460.193.944**	**22.822.159.852**	**1.198.245.471**

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI
Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh,
Huyện Sóc Sơn, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Phí nhượng quyền kinh doanh	47.428.452	377.234.910
- Chi phí trang phục bảo hộ	-	246.132.330
- Chi phí vận chuyển COB	335.928.000	311.688.000
- Chi phí lãi vay	-	1.427.813
- Chi phí hoa hồng môi giới	693.961.407	543.845.026
- Chi phí thù lao hội đồng quản trị	87.000.000	256.500.000
- Chi phí khác	1.493.539.614	1.538.393.064
	2.657.857.473	**3.275.221.143**

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	**8.980.609.831**	**5.342.257.537**
- Phải trả bên liên quan	***1.472.222.933***	***1.036.862.718***
+ Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.171.395.125	578.919.044
+ Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	300.827.808	457.943.674
- Phải trả bên thứ ba	***7.508.386.898***	***4.305.394.819***
+ Kinh phí công đoàn	333.928.449	318.434.881
+ Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.851.200.000	1.317.700.000
+ Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.323.258.449	2.669.259.938
Dài hạn	**3.110.065.167**	**1.987.325.167**
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.110.065.167	1.987.325.167
	12.090.674.998	**7.329.582.704**

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI
Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Tại ngày 01/01/2019		Trong năm		Tại ngày 31/12/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	**16.915.841.479**	**16.915.841.479**	**19.886.738.616**	**20.952.387.255**	**15.850.192.840**	**15.850.192.840**
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh	228.200.000	228.200.000	228.200.000	228.200.000	228.200.000	228.200.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (*)	3.500.000.000	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (*) - dài hạn đến hạn trả	1.077.920.000	1.077.920.000	1.077.920.000	1.077.920.000	1.077.920.000	1.077.920.000
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (**)	12.109.721.479	12.109.721.479	14.607.497.662	15.363.181.689	11.354.037.452	11.354.037.452
Nợ đến hạn - Ngân hàng TMCP Quân đội (***)	-	-	3.973.120.954	783.085.566	3.190.035.388	3.190.035.388
Vay dài hạn	**35.283.848.399**	**35.283.848.399**	**48.738.543.396**	**19.886.743.814**	**64.135.647.981**	**64.135.647.981**
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh	627.550.000	627.550.000	450.000.000	228.205.198	849.344.802	849.344.802
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (*)	3.689.820.000	3.689.820.000	-	1.077.920.000	2.611.900.000	2.611.900.000
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (**)	30.966.478.399	30.966.478.399	17.210.300.541	14.607.497.662	33.569.281.278	33.569.281.278
Ngân hàng TMCP Quân đội (***)	-	-	31.078.242.855	3.973.120.954	27.105.121.901	27.105.121.901
Cộng	**52.199.689.878**	**52.199.689.878**	**68.625.282.012**	**40.839.131.069**	**79.985.840.821**	**79.985.840.821**

(*) Các khoản vay với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Theo các hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng số 01/2017-HDDTDA/NHCT144-NASCO được ký với Ngân hàng Công thương Việt Nam ngày 13/01/2017 nhằm mục đích thành toán các khoản đầu tư hợp pháp của Dự án Đầu tư mua sắm 02 xe ô tô mới 100% thay thế 02 xe ô tô hết niên hạn sử dụng vào cuối năm 2016. Hạn mức tín dụng là 2.730.000.000 đồng . Thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn 0 tháng. Lãi suất cho vay quy định tại từng giấy nhận nợ (8%/năm);

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI
Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 56/2018-HDDCVDAT/NHCT144-NASCO ký với ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ngày 08/11/2018 nhằm mục đích thanh toán các khoản chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án Đầu tư 2 xe ô tô sản thấp mới 100% chở khách trong sân đỗ máy bay thay thế 02 xe sàn thấp hết niên hạn sử dụng của Công ty CP dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài. Hạn mức tín dụng là 20.150.590.000 đồng. Thời hạn vay là 84 tháng , thời gian ân hạn 9 tháng. Lãi suất cho vay quy định tại từng giấy nhận nợ (8%/năm).

- Hợp đồng tín dụng số 03/2017-HDTDDA/NHC144-NASCO ký với ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ngày 04/02/2017 nhằm mục đích bổ sung nguồn vốn trung dài hạn thanh toán các chi phí đầu tư của Dự án xây mới bổ sung tường rào, làm sân vườn, chiếu sáng và cảnh quan trụ sở Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài – Nasco. Hạn mức tín dụng là 3.411.000.000 đồng, Thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn 0 tháng. Lãi suất quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ (7,5%/năm).

- Hợp đồng tín dụng số 03/2016-HDDTDA/NHCT144- NASCO ký với ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ngày 27/12/2016 nhằm thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án đầu tư mua 02 thang tải khách mới 100% tại tòa nhà đơn nguyên 2 Trụ sở công ty. Hạn mức tín dụng là 2.392.600.000 đồng. Thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn 0 tháng. Lãi suất cụ thể tại từng giấy nhận nợ (7,5%/năm).

- Hợp đồng tín dụng số 51/2015-HDDTDA/NHCT144-NASCO ký với ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ngày 30/12/2015 nhằm thanh toán các khoản chi phí hợp lý thực hiện dự án đầu tư xây dựng đơn nguyên 2 và khối lượng đơn nguyên 1 – Trụ sở công ty cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Nội Bài. Hạn mức tín dụng là 21.000.000.000 đồng. Thời hạn tín dụng là 84 tháng, thời gian ân hạn 0 tháng. Lãi suất cụ thể quy định ở từng giấy nhận nợ (7%/năm).

- Hợp đồng tín dụng số 44/2016-HDDTDA/NHCT144-NASCO của ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ngày 24/06/2016 nhằm thanh toán các khoản chi phí đầu tư hợp pháp của dự án đầu tư phòng chờ Bông sen vàng và phòng VIP Nasco, nhà ga T1, cảng hàng không quốc tế Nội Bài. Hạn mức tín dụng là 20.000.000.000 đồng. Thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn 0 tháng. Lãi suất cụ thể quy định tại từng giấy nhận nợ (7%/năm).

- Hợp đồng tín dụng số 16/2018-HDDTDA/NHCT144-NASCO của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ngày 12/06/2014 nhằm thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án Đầu tư Xây dựng công trình các cửa hàng kinh doanh thương mại. Dịch vụ tại nhà ga T1 sân bay Nội Bài, tại Hà Nội, Việt Nam. Hạn mức tín dụng là 5.772.000.000 đồng. Thời hạn vay là 48 tháng, thời gian ân hạn là 0 tháng. Lãi suất thả nổi theo lãi suất thị trường (7,5%/năm).

- Hợp đồng tín dụng số 40/2014-HDDTDA/NHCT144 – NASCO ký với ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ngày 11/12/2014 nhằm thanh toán các chi phí hợp lý để thực hiện dự án Đầu tư phòng khách hạng thương gia quốc tế - Tầng 4 – Nhà ga T2 – Cảng hàng không Quốc tế, Nội Bài. Hạn mức tín dụng là 17.704.140.000 đồng. Thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn 0 tháng. Lãi suất quy định cụ thể tại từng Giấy nhận nợ (7%/năm).

- Hợp đồng tín dụng số 24/2019-HDDTDA/NHCT144 – NASCO của ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tháng 6/2019 nhằm Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp Dự án Đầu tư thay thế 01 xe ô tô trên 45 chỗ ngồi mới 100% phục vụ chuyên chở tuyến CBCNV. Hạn mức tín dụng là 1.879.000.000 đồng. Thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn 0 tháng. Lãi suất thả nổi theo lãi suất thị trường (8%/năm).

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- Hợp đồng tín dụng số 04/2017-HDDTDA/NHCT144-NASCO của ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ngày 14/03/2017 nhằm bổ sung vốn trung hạn thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của DỰ án Xây dựng trạm biến áp 800KVA-22/0,4KV tại khu đất Trụ sở Công ty Cổ phần dịch vụ hàng không Sân bay Nội Bài. Hạn mức tín dụng là 1.583.400.000 đồng. Thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn 0 tháng. Lãi suất quy định cụ thể tại từng Giấy nhận nợ (7,5%/năm).

- Hợp đồng tín dụng số 06/2015-HDDTDA/NHCT144-NASCO ký với ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ngày 04/03/2015 nhằm thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án đầu tư và kế hoạch mua sắm 34 xe ô tô phục vụ Đề án Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng không sân bay Nội Bài tổ chức xe tuyến đưa đón cán bộ nhân viên của các đơn vị thuộc Tổng công ty Hàng không Việt Nam khu vực Nội Bài. Hạn mức tín dụng là 9.239.398.000 đồng. Thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn 0 tháng. Lãi suất quy định tại từng giấy nhận nợ (7%/năm).

(**) Các khoản vay với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo các hợp đồng:

- Hợp đồng cho vay số 010318-4309576-01-SME của ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ngày 01/04/2018 nhằm mua 02 xe 47 chỗ nhãn hiệu 3-2 AUTO UNIVERSE K47W. Hạn mức tín dụng là 4.390.000.000 đồng. Thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn 0 tháng. Lãi suất thả nổi theo lãi suất thị trường (8%/năm).

- Hợp đồng cho vay số 131217-4309576-01-SME của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ngày 06/02/2018 nhằm mua 1 xe ô tô Camry 2.5G mới 100%. Hạn mức tín dụng là 1.000.000.000 đồng. Thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn là 0 tháng. Lãi suất thả nổi theo lãi suất thị trường (8%/năm).

(***) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Quân đội theo hợp đồng

- Hợp đồng vay số 25120.19.002.12655666.TD của ngân hàng TMCP Quân đội ngày 02/07/2019 nhằm bổ sung vốn thanh toán chi phí đầu tư 01 xe ô tô 7 chỗ nhãn hiệu Nissan Terra V2 mới 100%. Hạn mức tín dụng là 1.067.400.000 đồng. Thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn là 0 tháng. Lãi suất quy định tại từng giấy nhận nợ (8%/năm).

- Hợp đồng vay số 39773.19.002.1265566.TD của ngân hàng TMCP Quân đội ngày 18/10/2017 nhằm tài trợ vốn trung hạn đầu tư dự án :" Cải tạo một phần Trụ sở Công ty thành khu Briefing cho phi công và tiếp viên VNA tại Nội Bài". Số tiền vay là 26.658.766.316 đồng. Thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn là 0 tháng. Lãi suất thả nổi theo lãi suất thị trường (8,5%/năm).

- Hợp đồng vay số 58541.19.002.1265566.TD của ngân hàng TMCP Quân đội ngày 30/12/2019 nhằm thanh toán 90% tiền mua 4 xe sàn thấp mới 100% phục vụ vận chuyển hành khách hạng thương gia (C-VIP) trong sân đỗ tàu bay. Số tiền vay là 32.328.000.000 đồng. Thời hạn vay là 84 tháng, thời gian ân hạn là 6 tháng. Lãi suất thả nổi theo lãi suất thị trường (8,5%/năm).

20. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

20.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2018	83.157.640.000	(2.820.000)	33.053.684.206	3.969.213.452	24.146.329.620	57.030.779.146	201.354.826.324
- Lãi trong năm	-	-	-	-	26.832.359.206	(369.776.844)	26.462.582.362
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(19.125.608.600)	-	(19.125.608.600)
- Chia các quỹ	-	-	-	-	(3.204.369.951)	-	(3.204.369.951)
- Thưởng ban điều hành	-	-	-	-	(375.000.000)	-	(375.000.000)
31/12/2018	83.157.640.000	(2.820.000)	33.053.684.206	3.969.213.452	28.273.710.174	56.661.002.303	205.112.430.135
01/01/2019	83.157.640.000	(2.820.000)	33.053.684.206	3.969.213.452	28.273.710.174	56.661.002.303	205.112.430.135
- Lãi trong năm	-	-	-	-	31.690.243.962	6.795.226.229	38.485.470.191
- Thưởng ban điều hành (*)	-	-	-	-	(346.000.000)	-	(346.000.000)
- Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(20.788.705.000)	-	(20.788.705.000)
- Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(2.597.071.835)	-	(2.597.071.835)
31/12/2019	83.157.640.000	(2.820.000)	33.053.684.206	3.969.213.452	36.232.177.301	63.456.228.532	219.866.123.491

(*) Trong năm, Công ty thực hiện chi trả cổ tức năm 2018 và trích lập dự các Quỹ năm 2019 theo Nghị quyết số 70/NQ-NASCO/ĐHĐCĐ ngày 26/04/2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của công ty (cổ tức được chi trả theo tỷ lệ 25% vốn điều lệ)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

20. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

20.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ đông	31/12/2019		01/01/2019	
	Tổng số vốn đã góp VND	Tỷ lệ vốn góp %	Tổng số vốn đã góp VND	Tỷ lệ vốn góp %
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	42.411.600.000	51,00%	42.411.600.000	51,00%
Các cổ đông khác	40.746.040.000	49,00%	40.746.040.000	49,00%
	83.157.640.000	**100,00%**	**83.157.640.000**	**100,00%**

Tại ngày 31/12/2019, các cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần.

20.3 Cổ phiếu

	31/12/2019 CP	01/01/2019 CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.315.764	8.315.764
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.315.764	8.315.764
+ Cổ phiếu phổ thông	8.315.764	8.315.764
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	282	282
+ Cổ phiếu phổ thông	282	282
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.315.482	8.315.482
+ Cổ phiếu phổ thông	8.315.482	8.315.482
** Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)*	*10.000*	*10.000*

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	31/12/2019	01/01/2019
- Ngoại tệ các loại (USD)	17.885,72	270.602,10
- Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	633.087.400	633.087.400

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
+ Doanh thu dịch vụ vận chuyển	224.642.139.271	208.836.824.627
+ Doanh thu bán hàng miễn thuế	81.319.540.326	102.524.793.776
+ Doanh thu bán hàng hóa	18.318.862.994	19.623.758.536
+ Doanh thu dịch vụ nhà hàng, ăn uống	264.958.087.609	239.020.389.881
+ Doanh thu dịch vụ khác	6.538.147.139	3.822.602.221
	595.776.777.339	**573.828.369.041**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

23. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
+ Chiết khấu thương mại	353.306.449	737.075.014
Cộng	**353.306.449**	**737.075.014**

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
+ Giá vốn dịch vụ vận chuyển	162.226.607.545	154.371.950.532
+ Giá vốn bán hàng miễn thuế	62.794.108.484	78.460.394.537
+ Giá vốn bán hàng hóa	5.516.502.247	7.306.208.898
+ Giá vốn dịch vụ nhà hàng, ăn uống	84.484.603.089	74.015.870.198
+ Giá vốn khác	359.301.170	-
	315.381.122.535	**314.154.424.165**

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
+ Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay	1.648.960.165	1.427.893.735
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia (*)	20.388.245.000	16.448.841.000
+ Chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	944.457.179	993.152.471
	22.981.662.344	**18.869.887.206**

(*) Là khoản cổ tức nhận được từ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài.

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
+ Chi phí lãi vay	4.961.797.988	6.035.657.554
+ Chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	13.067.008	1.747.696.929
+ Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ	254.135.607	76.014.017
	5.229.000.603	**7.859.368.500**

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	81.527.109.241	76.207.163.051
Chi phí nguyên vật liệu	4.948.127.698	4.419.435.792
Chi phí dụng cụ đồ dùng	5.365.248.847	4.165.019.517
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.083.995.770	8.845.279.302
Chi phí dịch vụ mua ngoài	70.655.312.147	66.457.070.539
Chi phí khác bằng tiền	24.480.432.754	22.019.108.730
	198.060.226.457	**182.113.076.931**

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	20.120.657.068	18.463.630.485
Chi phí vật liệu văn phòng	105.465.306	73.840.482
Chi công cụ, dụng cụ	1.141.101.313	1.805.896.184
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.927.335.516	7.861.599.132
Thuế và các khoản lệ phí	1.222.987.023	3.305.278.505
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.999.267.365	7.914.877.502
Chi phí khác bằng tiền	18.802.604.615	18.430.934.849
	57.319.418.206	**57.856.057.139**

29. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
+ Thu từ bán thanh lý TSCĐ	566.999.244	140.909.091
+ Thu từ bán thanh lý vật tư, công cụ dụng cụ	254.839.330	5.404.545
+ Thu nhập khác	67.693.287	128.322.989
	889.531.861	**274.636.625**

30. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
+ Chi phí phạt	-	186.270.300
+ Chi phí thanh lý TSCĐ	-	304.213.872
+ Chi phí khác	539.872.205	107.413.262
	539.872.205	**597.897.434**

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI
Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh,
Huyện Sóc Sơn, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**42.765.699.537**	**29.437.397.774**
Cộng:	591.930.442	646.163.650
- Chi phí không được trừ	*591.930.442*	*646.163.650*
Thu nhập được miễn thuế	**(9.138.245.000)**	**(16.448.841.000)**
Thu nhập từ đầu tư góp vốn	(9.138.245.000)	(16.448.841.000)
Các khoản khác		
Dự phòng đầu tư vào Công ty con	3.011.107.840	(356.985.821)
Chi phí khấu hao Tài sản góp vốn	(309.590.361)	(782.161.803)
(Lãi) tại Công ty con	(13.355.397.463)	726.762.665
Lỗ tại Công ty liên kết	-	-
Thu nhập chịu thuế	**23.565.504.995**	**13.222.335.465**
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN trong năm	**4.713.100.999**	**2.643.501.541**
Thuế TNDN bổ sung theo Biên bản Kiểm toán nhà nước	107.566.732	-
Thuế TNDN bổ sung theo Biên bản thanh tra Bộ Tài Chính	-	59.965.163
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**4.820.667.731**	**2.703.466.704**

32. THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

	31/12/2019		01/01/2019	
	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại VND	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả VND	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại VND	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	20%	20%	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại liên quan đến dự phòng đầu tư tài chính		122.133.272	724.489.730	
Thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến tài sản cố định góp vốn	355.249.175			417.167.247
Cộng	**355.249.175**	**122.133.272**	**724.489.730**	**417.167.247**

33. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân công	140.648.170.512	131.171.753.794
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	90.420.338.061	89.836.588.553
Chi công cụ, dụng cụ	6.952.548.844	6.818.577.321
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.338.546.680	22.049.486.513
Thuế, phí và lệ phí	1.575.181.243	3.597.799.461
Chi phí dịch vụ mua ngoài	169.800.949.748	157.473.357.959
Chi phí bằng tiền khác	75.411.454.525	64.715.600.097
	508.147.189.613	**475.663.163.698**

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	31.690.243.962	26.832.359.206
Lợi nhuận bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	31.690.243.962	26.832.359.206
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm (*)	-	(2.943.071.835)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	8.315.482	8.315.482
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	**3.811**	**2.873**

Hiện tại, Công ty chưa có kế hoạch phát hành thêm cổ phiếu nên lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

(*) Theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi do Công ty chưa thực hiện tạm trích theo kết quả kinh doanh. Trong năm 2019, căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số Nghị quyết số 70/NQ-NASCO/ĐHĐCĐ ngày 26/04/2019, Công ty đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận 2018 nên chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2018 được tính lại. Lãi cơ bản trên cổ phiếu trình bày trên BCTC hợp nhất năm 2018 là: 3.226).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI
Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh,
Huyện Sóc Sơn, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

35. BÁO CÁO BỘ PHẬN
Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Doanh thu bán hàng miễn thuế	Doanh thu bán hàng hóa	Doanh thu dịch vụ nhà hàng, ăn uống	Doanh thu dịch vụ vận chuyển	Doanh thu dịch vụ khác	Cộng
KẾT QUẢ KINH DOANH						
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	81.319.540.326	18.318.862.994	264.958.087.609	224.288.832.822	6.538.147.139	595.423.470.890
- *Công ty CP Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài*	*81.319.540.326*	*18.318.862.994*	*264.958.087.609*	*63.597.564.128*	*6.722.827.139*	*434.916.882.196*
- *Công ty CP Giao nhận Hàng hóa Nasco*	-	-	-	*140.814.590.292*	*20.254.361.145*	*161.068.951.437*
2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ nội bộ	-	-	-	562.362.743	-	562.362.743
3. Khấu hao và Chi phí phân bổ	4.398.843.375	4.398.843.375	8.782.330.775	12.711.077.998	-	30.291.095.524
- *Công ty CP Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài*	*4.398.843.375*	*4.398.843.375*	*8.782.330.775*	*10.958.694.209*	-	28.538.711.735
- *Công ty CP Giao nhận Hàng hóa Nasco*	-	-	-	*1.752.383.789*	-	*1.752.383.789*
4. Lợi nhuận gộp	18.525.431.842	12.802.360.747	180.473.484.520	62.062.225.277	6.538.147.139	280.401.649.525
5. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	38.485.470.191
TÀI SẢN						
6. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	-	-	-	-	-	19.146.219.800
- *Công ty CP Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài*	-	-	-	-	-	17.704.923.926
- *Công ty CP Giao nhận Hàng hóa Nasco*	-	-	-	-	-	*1.441.295.874*
Tổng tài sản	-	-	-	-	-	**430.493.155.879**
NỢ PHẢI TRẢ						
Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	-	**210.627.032.388**

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI
Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh,
Huyện Sóc Sơn, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

35. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)
Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Doanh thu dịch vụ vận chuyển	Doanh thu bán hàng miễn thuế	Doanh thu bán hàng hóa	Doanh thu dịch vụ nhà hàng, ăn uống	Doanh thu dịch vụ khác	Cộng
KẾT QUẢ KINH DOANH						
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	208.099.749.613	102.524.793.776	19.623.758.536	239.020.389.881	3.822.602.221	573.091.294.027
- *Công ty CP Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài*	*57.298.030.766*	*102.524.793.776*	*19.623.758.536*	*239.020.389.881*	*3.822.602.221*	*422.289.575.180*
- *Công ty CP Giao nhận Hàng hóa Nasco*	*150.801.718.847*	-	-	-		*150.801.718.847*
2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ nội bộ	453.819.993	-	-	-	-	453.819.993
2. Giá vốn hàng bán	154.371.950.532	78.460.394.537	7.306.208.898	74.015.870.198	-	314.154.424.165
3. Khấu hao và Chi phí phân bổ	10.382.055.332	605.451.844	3.345.625.766	12.799.968.017	-	27.133.100.959
- *Công ty CP Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài*	*7.999.236.002*	*605.451.844*	*3.345.625.766*	*12.799.968.017*		*24.750.281.629*
- *Công ty CP Giao nhận Hàng hóa Nasco*	*2.382.819.330*	-	-	-	-	*2.382.819.330*
4. Lợi nhuận gộp	53.727.799.081	24.064.399.239	12.317.549.638	165.004.519.683	3.822.602.221	258.936.869.862
5. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	26.457.754.602
TÀI SẢN						
6. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	-	-	-	-	-	15.124.529.096
- *Công ty CP Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài*	-	-	-	-	-	*15.124.529.096*
- *Công ty CP Giao nhận Hàng hóa Nasco*	-	-	-	-	-	-
Tổng tài sản	-	-	-	-	-	**341.620.984.846**
NỢ PHẢI TRẢ						
Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	-	**136.513.382.471**

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI
Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh,
Huyện Sóc Sơn, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

36. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan

	Mối quan hệ	Năm 2019	Năm 2018
		VND	VND
Doanh thu với các bên liên quan			
- Trung tâm khai thác Nội Bài - TCT Hàng không Việt Nam - CTCP	Công ty cùng Công ty mẹ	199.491.538.968	198.996.910.998
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	2.382.792.550	193.997.273
- Công ty TNHH Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam - CN Nội Bài	Công ty cùng Công ty mẹ	7.913.569.856	8.473.544.333
- Công ty CP Suất ăn Hàng không Nội Bài	Công ty cùng Công ty mẹ	4.058.896.071	4.841.491.533
- Trung tâm Bông Sen Vàng - CN Tổng công ty Hàng không Việt Nam	Công ty cùng Công ty mẹ	33.657.000	-
- Chi nhánh TCT Hàng không Việt Nam - VP Khu vực miền Bắc	Công ty mẹ	887.676.755	1.062.295.251
- Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	Cổ đông lớn	-	2.721.833.117
- Công ty Bay dịch vụ Hàng không	Công ty cùng Công ty mẹ	854.519.587	950.589.030
- CN Công ty TNHH MTV Nhiên liệu hàng không - Khu vực miền bắc	Công ty cùng Công ty mẹ	638.244.009	648.306.210
- Công ty CP Hàng không Jestar Pacific Airlines	Công ty cùng Công ty mẹ	412.355.913	370.207.050
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam (Vận chuyển Báo)	Công ty cùng Công ty mẹ	407.135.500	419.173.500
		217.080.386.209	**218.678.348.295**
Mua hàng hóa, dịch vụ của bên liên quan			
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	2.734.197.000	2.794.820.623
- Chi nhánh TCT Hàng không Việt Nam Khu vực miền Trung	Công ty mẹ	1.395.121.260	1.032.439.476
- Chi nhánh TCT Hàng không Việt Nam Khu vực miền Nam	Công ty mẹ	25.141.263.961	28.244.459.870
- Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài	Công ty cùng Công ty mẹ	778.381.496	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	Cổ đông lớn	1.224.523.036	1.400.995.076
- Chi nhánh TCT Hàng không Việt Nam Khu vực Miền Bắc	Công ty mẹ	28.285.317.932	25.003.904.646
- Công ty CP Tin học viễn thông hàng không	Công ty cùng Công ty mẹ	-	1.113.640.818
Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam - CN Nội Bài	Công ty cùng Công ty mẹ	113.418.700	90.585.400
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam - CN Đà Nẵng	Công ty cùng Công ty mẹ	116.414.888	117.380.160
- Công ty CP Hàng không Jetstar Pacific Airlines (JPA)	Công ty cùng Công ty mẹ	-	129.084.689
		59.788.638.273	**59.927.310.758**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

36. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc		
- Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	2.659.708.756	2.321.895.667
- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	660.900.000	633.040.000
- Thưởng Ban điều hành	346.000.000	375.000.000
	3.666.608.756	**3.329.935.667**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
- Công ty CP Dịch vụ hàng hóa Nội Bài	9.138.245.000	16.448.841.000
	9.138.245.000	**16.448.841.000**

Số dư với các bên liên quan

Chi tiết xem tại các thuyết minh sau:

- Thuyết minh số 5 "Phải thu khách hàng"
- Thuyết minh số 13 "Đầu tư tài chính dài hạn"
- Thuyết minh số 14 "Phải trả người bán ngắn hạn"
- Thuyết minh số 17 "Phải trả khác"

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI
Sân bay Quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh,
Huyện Sóc Sơn, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

37. THÔNG TIN KHÁC

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán và được điều chỉnh hồi tố do Công ty đã thay đổi chính sách ghi nhận Hàng tồn kho và công nợ phải trả của hàng miễn thuế có tính đến ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá và giá nhập xuất hàng tồn kho, mà tại Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, Công ty đang theo dõi là hàng nhận giữ hộ và trình bày tại Tài khoản ngoài bảng trên Báo cáo tài chính.

Bảng cân đối kế toán		**Tại 01/01/2019**	**Tại 31/12/2019**	
Chỉ tiêu	**Mã số**	**Sau điều chỉnh**	**Trước điều chỉnh**	**Chênh lệch**
Hàng tồn kho	141	42.161.697.356	6.966.666.963	35.195.030.393
Phải trả người bán ngắn hạn	311	74.258.619.876	39.068.417.243	35.190.202.633
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	28.273.710.174	28.268.882.414	4.827.760

Kết quả hoạt động kinh doanh				
Chỉ tiêu	**Mã số**	**Sau điều chỉnh**	**Trước điều chỉnh**	**Chênh lệch**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	18.869.887.206	18.071.954.907	797.932.299
Chi phí tài chính	22	7.859.368.500	7.066.263.961	793.104.539
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	26.462.582.362	26.457.754.602	4.827.760

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Bùi Thị Hảo	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Trần Việt Phương